

# PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

## QUYỂN 6

### *Thiên thứ 4: LỤC ĐẠO*

#### **I. Bộ thứ 4: QUỶ THẦN**

Gồm có 11 phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Liệt số, Nghiệp nhân, Thân lượng, Thọ mệnh, Hảo xú, Khổ lạc, Quý tiện, Xá trách.

#### ***Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý***

Than ôi! Luận về quỷ thần phép thuật, chỉ thích yêu tà. Trong cõi u minh, chất nhiều tội lỗi. Hoặc ở hang sâu, hay nương gò lớn. Cuối ngọn khe xa, rừng thẳm, giữa lòng bụi rậm, bờ hoang. Kỳ dị âm thanh, lạ lùng hình dáng. Dọa nạt ngu tình, lay động phàm thức. Hoặc đội hình chim xác cá, lòng thú mặt người. Hoặc cử nhạc đàn ca, đánh dìu gõ mõ. Như các loài này, đều xin sám hối. Cùng thuộc chín châu miếu vũ, vạn quốc thần linh. Thái Bá ở Cô Tô, Quý Trử ở Diên Ấp. Hạ Vũ đào sông, khơi dòng đầm, động. Hà bá, sơn tinh, thần mưa, thần gió, tốt tươi bồi bổ, lộc trách mang về. Hoặc bay trên ngọn trúc như rồng, như chim bay, nhận liệng, hình dựa dẫm vào miếu thiêng, thể cận kề nơi lâu các. Làm mưa, phân gió nặng, nhẹ, nhỏ, to cho đến đại tướng già đầu, quỷ thần tóc kim Tú lợi lặc na, Bàn trà la sát, ba ngàn quyển thuộc, năm trăm tù tòng, tất cả đều xin một lòng sám hối. Lại có kẻ nghiệp chướng nặng nhất, gọi là ngạ quỷ. Mắt sáng như chớp, họng nhỏ như kim, không nghe được tiếng nước sôi, mắt hắt mùi lương thực. Chân tay lửa đỏ nhất tề phát cháy, cử động rầm rộ như năm trăm xe. Hôm nay, thiện căn cũng được thấm nhuần đầy đủ.

Xin nguyện quỷ đang đói khát, ăn uống tự nhiên. Yêu mị quỷ thần, không còn nịnh hót. Xiển dương Phật pháp, che chỗ thế gian. Bảo vệ tượng, kinh, cúng dường dốc chí. Ghi thiện chép ác, mãi mãi tu hành.

**Thứ hai: PHẦN HỘI DANH**

Sao gọi là đường quý? Như luận Lập Thế nói: “Đường quý tên là Thiểm đa. Bởi vì vua Diêm Ma La tên Thiểm đa. Chúng sinh ở đấy đồng loại với nhà vua nên gọi là Thiểm đa”.

Lại còn bảo thêm: “Đường này giao lưu với các đường khác, thiện ác tương thông, nên gọi là Thiểm đa”. Lại nữa, luận Tân Bà-sa có câu hỏi rằng: “Vì sao đường ấy tên Bế lệ đa?”. Đáp: “Luận Thi Thiết bảo rằng vua của thế giới quý hiện nay tên là Diêm Ma. Khi kiếp này mới thành, có vua của thế giới quý tên Chủy đa. Thế nên, chúng sinh vào đường ấy, sinh ra ở đấy, đều gọi là Bế lệ đa. Tức là mọi ý nghĩa trong thế giới Chủy đa, từ đây trở về sau đều mang tên này cả”. Có người nói: “Do tăng trưởng tăng thượng tham lận, tạo tác các ác hạnh về thân, ngữ, ý nên phải về đường ấy, sinh vào đường ấy, chịu nghiệp quả đói khát. Trải qua hàng trăm ngàn năm không nghe được tên nước, hưởng gì thấy được, hưởng gì dụng được? Hoặc có loại bụng lớn như núi, họng nhỏ như lỗ kim, tuy gặp đồ ăn thức uống, nhưng không thể nào thọ dụng được”. Có người nói: “Bị sai khiến nên gọi là quý. Thường bị chư Thiên khắp nơi sai khiến nên phải bôn ba. Vì có hy vọng nên gọi là quý. Nghĩa là, vì trong năm đường kia, chúng sinh có hy vọng không nhiều hơn đường này, nhân thế mới gọi là quý. Lại nữa, mong cầu gọi là quý. Nghĩa là các ngạ quỷ ở đấy thường theo người khác, mong cầu ăn uống để nuôi sống tính mệnh, nên mới gọi là mong cầu”.

**Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ**

Như luận Bà-sa nói: “Ngạ quỷ có hai chỗ ở: một là chính, hai là phụ. Thứ nhất là chỗ ở chính. Luận thuyết không nhất định. Luận ấy nói: “Cách phía dưới châu Diêm-phù-đề năm trăm do tuần, có thế giới quý do vua Diêm La cai quản”, đó là chỗ ở chính. Lại nữa, kinh Thiện Sinh Ưu-bà-tắc cũng đồng ý với luận thuyết này: “Dưới năm trăm do tuần, có thành trì của vua Diêm La. Chu vi bốn phía bảy vạn năm trăm ngàn do tuần. Nhà vua cư trú ở giữa để cai quản loài quý”. Lại nữa, như kinh Ngũ Đạo Khổ nói, loài ngạ quỷ này cư trú ở giữa hai ngọn núi Thiết Vi ấy, nên mới có kệ rằng:

*“Giữa hai ngọn núi Thiết Vi ấy,  
Không thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng.  
Ngạ quỷ cư trú ở trong đó,  
Để đền bù tội lỗi xa xưa”.*

Thứ hai là chỗ ở phụ. Như luận Bà-sa nói cũng không nhất định.

Có hai loại quỷ: một là có uy đức, hai là không có uy đức. Loại có uy đức ấy cư trú ở hang núi hoặc ở không trung, hay ở bờ biển. Loại ấy đều có cung điện, hưởng thụ phước báo hơn người. Loại không có uy đức, hoặc dựa vào phần uế dơ dáy để ở, hoặc dựa vào cây cỏ mộ phần để ở, hoặc dựa vào chỗ nhà xí cũ để ở. Loại này đều không có nhà cửa, phước báo thua người. Lại nữa, luận nói, trong bốn châu lớn đều có quỷ ở. Hai châu Đông Tây cùng có loại có uy đức và không có uy đức cư trú. Trong châu Bắc, chỉ có loại có uy đức, không có loại không có uy đức cư trú, do phước báo của loại ấy lớn hơn, nên mới được như thế. Thậm chí, trong Trời Đạo lợi cũng có loại không có uy đức cư trú, để đáp ứng nhu cầu sai sử của chư Thiên. Từ đây trở lên, trong các Trời khác, không còn loài quỷ cư trú nữa. Thế nên, luận Bà-sa bản dịch mới nói rằng: “Trong Trời Tứ thiên vương và Tam thập tam, chỉ có loài quỷ có uy đức lớn cư trú để lo liệu việc giữ cửa, canh phòng và tùy tùng cho chư Thiên”.

Có người nói: “Về phía Tây châu Thiệm Bộ này có năm trăm bãi nhỏ. Ở đó, loài quỷ chia nhau cư trú thành hai hàng (theo luận Bà-sa bản cũ thì ở phía Tây châu Diêm-phù-đề có năm trăm thành quỷ. Trong đó, tự phân chia hành hai hàng riêng biệt). Trong hai hàng bãi nhỏ này có năm trăm thành: hai trăm năm mươi thành do loài quỷ có uy đức cư trú, hai trăm năm mươi thành do loài quỷ không có uy đức cư trú. Bởi thế, ngày xưa có Chuyển luân vương tên Nệ Di bảo người đánh xe Ma đất lê rằng: “Ta muốn đi tham quan. Nhà người hãy đánh xe chạy theo đường này, để ta thấy được cảnh chúng sinh thọ lãnh quả báo thiện ác”. Bấy giờ, Ma đất lê tuân theo lời nhà vua, khi đánh xe ngang qua hai hàng bãi nhỏ, nhà vua thấy loài quỷ có uy đức, đầu đội tràng hoa, mình mặc áo trời, ăn uống vị ngon giống như thiên tử, cưỡi xe voi, mọi người rong chơi vui thích. Nhà vua lại thấy loài quỷ không có uy đức thì đầu tóc rối bù, không mặc áo quần, nhan sắc khô héo, chỉ lấy tóc che thân, tay cầm bát đất đi ăn xin. Chứng kiến xong, nhà vua rất tin vào nghiệp quả thiện ác”.

- Hỏi: Đường quỷ hình dáng ra sao?.

- Đáp: Phần nhiều đứng thẳng lên giống người, nhưng cũng có loài nằm ngang, hoặc có mặt giống heo hay các loài cầm thú hung dữ khác, hết như các hình được vẽ trên tường hiện nay”.

Hỏi: “Tiếng nói ra sao?”.

Đáp: “Khi kiếp mới thành, đều nói tiếng Thánh. Về sau, tùy theo chỗ ở mà nói thành thứ tiếng”. Hoặc có người nói: “Tùy theo chỗ nào vừa chết mà sinh vào đường này, thì sẽ có hình dáng và tiếng nói của

chỗ ấy”. Bình luận rằng: “Không nên lập luận như thế. Nếu từ cõi vô sắc giới chết xong, đầu thai xuống đường này, há rằng không có hình dáng, không có tiếng nói chăng? Vậy thì, nên lập luận tùy theo chỗ sinh ra thế nào, thì sẽ có hình dáng và tiếng nói như thế ấy”.

### **Thứ tư: PHẦN LIỆT SỐ**

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói rằng: “Tổng cộng ngạ quỷ có ba mươi sáu loại, do tạo nhân không giống nhau nên chịu quả đều khác biệt:

1. Quỷ trong vạc nước sôi: do nhận lời người khác thuê mướn sát sinh, bị quả báo nấu trong vạc nước sôi, hoặc nhận lời người khác giữ giùm rồi giăng co không trả lại nên phải bị quả báo này.

2. Quỷ hôi hám, miệng nhỏ như kim: đem của cải thuê mướn người sai đi sát sinh, nên có cổ nhỏ như mũi kim, một giọt nước cũng không lọt vào được.

3. Quỷ ăn ói mửa: do chồng khuyên vợ bố thí, vợ tiếc của bảo rằng không có. Bỏ xẻn gom góp của cải, nên thường bị ăn ói mửa.

4. Quỷ ăn phân: do vợ lừa dối chồng, ăn uống một mình, ghét bỏ hiềm nghi chồng, nên thường phải ăn phân của người khác tuôn ra.

5. Quỷ ăn lửa: do cấm đoán người về đường lương thực, khiến người tự sát, nên phải bị quả báo lửa đốt, kêu gào khổ sở vì đói khát.

6. Quỷ ăn mùi vị: do ăn nhiều món ngon, không chia cho vợ con, nên thường bị đói khát, chỉ được ngửi mùi vị mà thôi.

7. Quỷ ăn pháp: do tham của cải, thuyết pháp cho người, nên thường bị đói khát, da thịt tiêu tan. Phải nhờ Sa-môn thuyết pháp, mới mong giữ được tính mệnh.

8. Quỷ ăn nước: do bán rượu như nước để mê hoặc kẻ ngu si, không giữ gìn trai giới, thường bị khát cháy khô.

9. Quỷ hy vọng: do tranh giành giá cả mua bán, lừa gạt người để lấy của nên thường bị đói khát. Chờ người cúng tế tiên linh mới được ăn.

10. Quỷ ăn khạc nhổ: do đem thức ăn không tinh khiết lừa gạt người tu hành, thân thường bị đói khát, luôn bị thiêu đốt, phải cầu xin người khạc nhổ và ăn đồ dơ của người.

11. Quỷ ăn tràng hoa: do kiếp trước ăn cắp tràng hoa của Phật để làm đồ trang sức cho mình. Nếu gặp người phải cúng vái, đem tràng hoa cúng tế tạ ơn, nhờ thế được ăn tràng hoa.

12. Quỷ ăn huyết: do sát sinh để cúng tế, không chia cho vợ con,

nên bị làm quỷ này. Phải dùng huyết bôi lên đồ cúng, mới có thể ăn được.

13. Quỷ ăn thịt: do lấy thịt của chúng sinh xắt nhỏ, cân lường, mua bán gian dối nên bị quả báo này. Khi cúng giỗ, phải dùng nhiều loại thịt mới có thể ăn được.

14. Quỷ ăn nhang: do bán nhang xấu để thu lợi nhiều, chỉ được ăn khói nhang, sau còn phải bị quả báo nghèo khổ.

15. Quỷ ăn nhanh: nếu có kẻ phá giới mà còn mặc pháp phục, lừa dối để lấy tiền của, nói dối đem cho người bệnh, nhưng lại không cho, tự mình ăn hết. Do bị quả báo này, thường ăn đồ dơ, tự thiêu đốt thân mình.

16. Quỷ rình cơ hội: do lập mưu mô lừa gạt lấy của cải, không cúng dường tu phước nên bị quả báo này. Lòng lá trên mình phát cháy, ăn lấy khí lực dơ dáy của người để sống còn.

17. Quỷ hắc ám: do bẻ cong pháp luật, bắt người bỏ ngục để mưu cầu tiền tài, khiến người mất chẳng thấy gì, tiếng thường rên xiết, nên phải bị quả báo ở ngục tối tăm, chứa đầy rắn độc, đau đớn như dao cắt.

18. Quỷ lớn sức: do trộm cướp của cải của người ta, đem chia cho người xấu, không cúng dường làm phước nên bị quả báo này. Có thân thông, lớn sức, nhưng chịu nhiều khổ não.

19. Quỷ rục lửa: do phá thành cướp bóc lương dân, nên bị quả báo này. Kêu gào la hét, khắp mình rục lửa. Sau đó, đầu thai làm người, thường bị cướp bóc.

20. Quỷ rình trẻ con: do giết trẻ con, khiến người sinh lòng giận lớn, nên bị quả báo này. Thường rình mò cơ hội để hại trẻ con.

21. Quỷ dâm dục: do thích dâm dục, có tiền của không cúng dường tạo phước nên bị quả báo này. Thường đi rong khắp thế gian, giao du với người, làm trò yêu quái để sống.

22. Quỷ ở hải đảo: do đi giữa đồng không, gặp người bị bệnh đau đớn, lừa gạt chiếm đoạt tiền của, phải bị sinh ra giữa hải đảo, chịu khổ sở về thời tiết nóng lạnh gấp mười lần người.

23. Quỷ cầm binh khí cho Diêm La: do kiếp trước được thân cận với vua quan, chuyên làm chuyện tàn ác nên phải chịu quả báo này. Bị sai phái làm quỷ cầm nghi trượng theo hầu nhà vua.

24. Quỷ ăn trẻ con: do đọc chú pháp mê hoặc người để lấy tiền của, sát hại heo, dê. Khi chết, bị đọa vào địa ngục. Sau đó, mới bị quả báo này, thường hay ăn thịt trẻ con.

25. Quỷ ăn tinh khí của người: do giả vờ làm bạn thân, hứa che chở người, khiến người trở nên dững cảm, liều chết ở trận mạc. Mình không ra tay cứu giúp nên bị quả báo này

26. Quỷ la sát: do sát sinh để bày tiệc lớn nên phải chịu quả báo bị “lửa đói” thiêu đốt này.

27. Quỷ bị lửa đốt thân: do thói bỏn xẻn, ghen ghét che mắt chân tâm, thích ăn đồ chay của Sa-môn, bị đọa vào địa ngục, rồi từ địa ngục thoát ra, chịu quả báo làm quỷ bị lửa thiêu đốt thân mình.

28. Quỷ đầu đường ăn dơ: do đem đồ ăn không tinh khiết cúng dường đường Sa-môn nên bị quả báo này. Thường ăn đồ dơ.

29. Quỷ ăn gió: do gặp Sa-môn đến khát thực, đã hứa nhưng không chịu cúng dường thức ăn, nên bị quả báo này. Thường chịu đói khát khổ sở như trong địa ngục.

30. Quỷ ăn than hồng: do cai quản trại giam, cấm không cho ăn uống, nên bị quả báo này. Thường phải ăn than hồng.

31. Quỷ ăn lửa độc: do đưa đồ ăn có thuốc độc khiến người mất mạng, nên phải bị đọa vào địa ngục, sau sinh làm quỷ. Thường chịu đói khát, phải ăn lửa độc thiêu đốt thân mình.

32. Quỷ ở đồng không: do ở đồng không đào thành ao hồ để cung cấp nước cho kẻ bộ hành. Lại chứa rửa, quyết tâm phá bỏ, khiến người thiếu thốn khát nước, nên phải bị quả báo này. Thường bị đói khát, lửa cháy thiêu đốt thân mình.

33. Quỷ ăn tro tàn ở mồ mả: do ăn cắp hoa quả cúng Phật để sống, nên bị quả báo này. Thường ăn tro tàn còn nóng ở chỗ thiêu xác người chết.

34. Quỷ ở dưới cây: do thấy người trồng cây tạo bóng mát cho người, đem ác tâm chặt phá lấy gỗ về dùng, nên bị đọa vào trong cây, thường chịu khổ sở nóng lạnh.

35. Quỷ ở ngã tư đường: do trộm cướp lương thực của kẻ đi đường, tạo nên ác nghiệp, nên thường bị cửa sắt cắt xẻ thân hình. Nhờ thiên hạ cúng vái ở ngã tư đường, kiếm lấy đồ ăn sống qua ngày.

36. Quỷ có thân Ma la: do làm tà đạo, không tin chánh pháp, nên bị đọa vào địa ngục. Thường phá hoại các phép lành của người khác”.

Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Quỷ ấy có ba loại, ấy là quỷ không cửa cải, quỷ ít cửa cải và quỷ nhiều cửa cải.

Quỷ không cửa cải lại có ba loại là quỷ miệng đước, quỷ miệng kim và quỷ miệng hôi. Quỷ miệng đước thì trong miệng thường phun lửa mạnh, cháy rục không ngừng. Thân như bị đốt cháy giống cây Đa

la. Đây là quả báo gây nên do quá sức keo kiệt. Quỷ miệng kim thì quỷ này bụng lớn, có sức chứa như hang núi, miệng nhỏ như lỗ kim. Tuy thấy các loại đồ ăn uống cao sang ngon tuyệt, cũng không thể hưởng thụ được. Bị đói khát hành hạ, khó chịu đựng nổi. Quỷ miệng hôi thì quỷ này trong miệng thường phát ra mùi hôi cực kỳ thối tha, hơn cả mùi phân ô uế bốc lên ở cửa hố xí. Mùi hôi tự bốc lên, bắt phải nôn khan. Giá có thức ăn, cũng không thể nuốt được. Khổ não vì đói khát, kêu réo chạy nhảy một cách điên cuồng.

Quỷ ít của cải cũng có ba loại, ấy là quỷ lông kim, quỷ lông hôi và quỷ có bướu. Quỷ lông kim thì loại này lông lá cứng rắn, cựa bén cũng không ăn vào. Trong thì cựa nhằm nội tạng, ngoài thì găm vào loài khác. Như nai trúng tên độc, kinh hoàng chạy nhảy một cách điên cuồng. Có khi gặp được đồ dơ, tạm thời giúp cơn đói khát. Quỷ lông hôi thì loại này lông lá rất hôi hám. Ô uế thường hun húc thối tha xương thịt, bốc hơi rã nát ruột gan. Xông lên cổ họng thành nôn. Độc địa khó chịu, phải véo thịt nhổ lông, rách nát da thịt, càng thêm khổ sở. Có khi gặp được đồ dơ, tạm thời giúp cơn đói khát. Về quỷ có bướu, thì loại này do nghiệp lực xấu xa, nên cổ họng sinh ra bướu lớn, như mụn nhọt lớn. Nhức nhối, nóng sốt, đau đớn càng thêm tệ hại. Có khi máu mủ vọt lên, cùng giành nhau ăn lấy, tạm qua cơn đói.

Quỷ nhiều của cải cũng có ba loại ấy, ấy là quỷ mong cúng tế, quỷ mong đồ nhỏ bỏ và quỷ có thế lực. Quỷ mong cúng tế thì quỷ này thường ngày đến trong đền thờ hưởng lộc của người cúng tế, sẵn có tự nhiên... Đôi khi du lịch phương xa, như chim tung cánh giữa trời, đi về thỏa thích. Nhờ vào kiếp trước, hiểu biết cao xa, hy vọng thế này: “Một mai, nếu ta mệnh chung, tất cả con cháu chắc hẳn sẽ cúng tế cho ta đầy đủ cho ta phẩm vật ăn uống”. Do nghiệp lực của nhận thức ấy, được sinh vào loại quỷ này. Theo nhân lành của kiếp trước, nên thọ lãnh được sự cúng tế. Hoặc có kẻ, kiếp trước vốn yêu quý người thân, vì muốn cho ai nấy đều được giàu có no đủ, nên đã không theo chánh pháp, tom góp báu vật, nuôi lòng keo kiệt, không biết bố thí. Theo ác nghiệp này, phải sinh vào trong đường quỷ, ở các chỗ bài tiết dơ dáy, bên cạnh nhà cũ. Người thân nhớ đến, đón rước Sa-môn, Phạm chí, kẻ cô đơn nghèo khổ để cúng dường làm phước. Quỷ ấy thấy xong, đối với người thân và các của cải, trong lòng nhớ lại và thấy rõ ràng quả báo keo kiệt hiện tại. Lòng sinh tin tưởng vào chuyện cúng dường tạo phước. Tiếp tục tăng trưởng, dứt bỏ được nghiệp tương ứng. Nhờ thế, thành tựu được nghiệp quả Thuận hiện pháp thụ. Nhân thế lực này, nên được giàu có no đủ.

Quý mong đồ nhỏ bỏ thì loại này thường muốn thu dọn đằm dãi nhỏ bỏ và phân dư của người để làm đồ ăn uống, cũng được sung túc. Vì loại quý này, ở vào kiếp trước, mỗi khi ăn uống, thấy dư uest thì cho là không, tính khiết thì cho là dư uest. Nhờ vào phước lực hiện tại, tùy theo nhu cầu, đều được sung túc. Miếng ăn thức uống, tuy có sẵn tự nhiên, nhưng do quả báo không giống nhau, nên không thể mong cầu nhiều hơn được. Bởi lẽ, như trong đường địa ngục, chịu quả dị thực, dứt xong lại nối, ở các đường khác thì không. Như trong đường người, có kẻ siêu phàm, tu theo Phạm hạnh, trong các đường khác thì không. Như trong đường trời, tùy theo nhu cầu, mọi thứ hiện đủ. Về những thứ này, tuy có sẵn tự nhiên, nhưng không thể ở trong đó, mong cầu một số lượng giống nhau nhất định. Quý có thể lực lớn thì rất tương đồng với lời của luận Bà-sa đã nói trước đây”.

Lại nữa, luận Du Già nói: “Đường quý có ba loại: một là quý ngoại chướng, nghĩa là chúng sinh ấy, vì thói keo kiệt quá cao, phải sinh vào đường quý, chịu quả báo đói khát tương ứng. Da thịt héo queo, giống như than đỏ. Đầu tóc bù rối, môi miệng cháy khô. Thường hay lấy lưỡi, liếm láp miệng mặt. Đói khát kinh hoàng, chạy bay khắp xứ. Đến chỗ suối hồ, gặp chúng sinh khác, tay cầm dao gậy, chặn chằng cho vào. Nước thành máu mủ, không thể uống được. Đây gọi là quý ngoại chướng.

Hai là quý nội chướng, nghĩa là loài ấy, miệng lớn bằng kim, bụng dạ to tướng. Nếu được miếng ăn, cũng không nuốt được. Đây gọi là quý nội chướng.

Ba là có loài nga quý tên Vàng lửa dữ, trong các bữa ăn, đều bị đốt cháy. Do nhân duyên này, đói khát quá khổ. Đây gọi là quý vô chướng”.

Còn như, mua danh chuốc lợi, trả báo làm vui. Độc địa hại người, sẽ rước ác quả. Tuy thế, thiện như leo núi, đương nhiên khó lên, ác giống rơi xuống, dễ dàng thực hiện. Bởi vậy, thiên đường mở rộng, người đến lưa thưa, địa ngục đầy lộng, kẻ vào chen chặt!

### **Thứ năm: PHÂN NGHIỆP NHÂN**

Như luận Trí Độ nói: “Ác có ba bậc, nhưng tạo ác bậc dưới, liền sinh vào trong đường nga quý”. Theo luận Thập Địa, cũng đồng lý thuyết này: “Trong mười nghiệp ác, vừa tạo nghiệp nào, trước tiên, tất cả phải sinh vào ba đường ác, sau đó, mới được làm thân người”. Còn theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu nổi tham, ghen, nịnh nọt, ton



hót, lửa dối dối với người, hoặc lại tham lam keo kiệt, giữ của không chịu bố thí, đều bị sinh vào đường quỷ. Từ trong đó chết đi, phần nhiều bị sinh vào trong đường Súc sinh. Phải làm chim Già tra ca, thường xuyên đói khát, chịu nhiều thảm nã. Chỉ uống nước trời mưa, ngược cổ hứng lấy, không được uống thêm các loại nước khác. Bởi thế, luôn luôn chịu khổ đói khát”. Theo kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: “Tạo đủ mười nghiệp sau đây, sẽ phải sinh vào trong đường ngạ quỷ: một là thân làm ác nhỏ, hai là miệng làm ác nhỏ, ba là ý làm ác nhỏ, bốn là keo kiệt bủn xỉn, nhiều tham lam, năm là tâm không phân biệt ác, sáu là ton hót ghen ghét, bảy là nổi lên tà kiến, tám là yêu quý của cải đến nỗi bỏ mạng, chín là nhịn đói đến nỗi chết mất, mười là nhịn khát đến nỗi chết mất. Do mắc mười nghiệp này, phải sinh vào đường Ngạ quỷ”.

Lại nữa, luận Phân Biệt Công Đức nói: “Có các Sa-môn thực hành phép Thiên quán, hoặc ở mồ mả, hoặc ở dưới tàn cây. Bấy giờ, ở dưới tàn cây, quán đến tử thi. Ban đêm, thấy ngạ quỷ đánh một tử thi. Sa-môn hỏi rằng: “Tại sao lại đánh tử thi này?”. Ngạ quỷ trả lời: “Vì tử thi này làm tôi khổ sở đến thế này, nên tôi phải đánh nó”. Sa-môn nói: “Tại sao không đánh tâm của nhà người, lại đánh tử thi này? Liệu có ích gì?”. Một lát sau, lại có một vị Trời đem hoa Mạn đà la trên trời rải lên xác thối ấy. Sa-môn hỏi rằng: “Tại sao rải hoa lên xác thối này?”. Vị trời trả lời: “Ta nhờ tử thi này mới được sinh lên trời. Tử thi này chính là bạn tốt của ta, nên ta xuống đây rải hoa lên, để báo đáp ơn nghĩa xa xưa”. Sa-môn trả lời: “Tại sao không đem hoa rải lên trong tâm của ông, lại đem rải lên cho tử thi? Này! Cội gốc của hành động thiện ác đều do tâm tạo ra. Vậy mà lại bỏ gốc tìm ngọn!”.

#### **Thứ sáu: PHẦN THÂN LƯỢNG**

Như kinh Ngũ Đạo nói: “Tâm vóc lớn nhất của ngạ quỷ thì cao một do tuần, đầu như núi lớn, trong cổ họng nhỏ như kim, tóc tai bờm xồm, hình dung gầy guộc, chống gậy mà đi. Tâm vóc như thế, thì thật là nhiều. Nhỏ nhất thì bằng đứa trẻ mới biết đi”. Có người nói: “Kích cỡ chừng trong khoảng ba tấc, theo kinh đã nói đầy đủ, không cần phải ghi chép rõ ràng”.

#### **Thứ bảy: PHẦN THỌ MỆNH**

Như kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Có ngạ quỷ sống thọ nhất được tám vạn bốn ngàn tuổi, yếu thì không có hạn định”. Theo luận Thành Thật, thọ nhất được bảy vạn tuổi, yếu cũng không có hạn định”.

Nếu theo kinh Ưu-bà-tắc nói: “Thọ nhất được một vạn năm ngàn tuổi. Như một ngàn năm trăm năm của nhân gian bằng một ngày đêm của nga quý. Nga quý ấy thọ một vạn năm ngàn tuổi, nếu tính theo ngày tháng của nhân gian, sẽ phải là hai ngàn bảy trăm vạn tuổi”. Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Có loài quý sống thọ năm trăm tuổi. Như mười năm của nhân gian bằng một ngày đêm của nga quý. Ngày đêm dài như thế. Quý ấy thọ năm trăm tuổi, nếu tính theo số ngày tháng của nhân gian, sẽ phải là một tám mươi vạn tuổi”.

**Thứ tám: PHẦN HẢO XÚ**

Như luận Bà-sa nói: “Thứ nhất là đẹp. Đẹp trong đường quý thì như loại có uy đức, thì hình dung đoan chính, không khác chư Thiên. Và lại, tất cả các thần núi, thần biển của ngũ nhạc, tứ độc đều rất đoan chính, gọi là đẹp cả. Thứ hai là xấu, ấy là loại quý không có uy đức. Hình dung xấu xí, không thể nói hết. Thân xẹp như bụng chó đói, đầu rối như mớ bông bong. Cổ họng nhỏ xíu bằng đầu kim, chân tay teo như cành củi mọc. Miệng thường chảy dãi, mũi tuôn lòng thông. Trong tai mưng mủ, trong mắt ứa máu. Loại quý như thế, gọi là xấu nhất”.

**Thứ chín: PHẦN KHỔ LẠC**

Như luận Bà-sa nói: “Thứ nhất là khổ trong đường quý, tức là loài quý không có uy đức ở đấy. Thường xuyên đói khát, không nghe đến tiếng nước sôi, há gặp được thứ cam lộ ngọt ngào ấy? Giả thuyết gặp được sông sâu muốn uống, liền biến thành lửa đuốc cháy phừng. Vì phỏng được đưa vào cổ, lập tức gan ruột cháy sém rã rời. Như loại quý này, há chẳng khổ sao? Thứ hai là vui trong đường quý, tức là loại quý có uy đức ở đấy, luôn luôn giàu có đẹp đẽ. Áo quần tự nhiên có sẵn. Thân mặc áo trời, miệng ăn mỹ vị của trời. Hình dáng lớn cao phóng khoáng, dong xe thong thả lướt đi. Chơi đùa thỏa thích, không khác gì trời. Như loại quý này, há chẳng vui sao?”.

Hỏi: “Nếu đã vui như thế thì hơn hẳn người. Tại sao kinh nói người và quý khác đường?”. Đáp: “Kinh nói đường quý thần không bằng đường người. Tóm tắt có hai lý do: một là hưởng báo phần hiển hiện không bằng người. Vì quý thần ở đấy ngày núp đêm đi, nên không bằng người. Hai là nhút nhát, nhiều lo sợ, nên không bằng người. Tuy có uy đức, nhưng vì phước báo yếu kém nên thường lo sợ người. Giả sử đêm ngày gặp người, thường phải ẩn núp né tránh”.

Hỏi: Đã yếu kém hơn người, tại sao lại có phước báo uy đức bằng

chư Thiên?.

Đáp: Đúng thế, vì do tiền thân đã bố thí nhiều, nên hưởng được báo thân có uy đức. Do tiền thân đã ton hót, không thành thật, nên phải sinh vào đường quỷ này.

**Thứ mười: PHẦN QUÝ TIỀN**

Như luận Bà-sa nói: “Quỷ có uy đức thì gọi là sang, quỷ không có uy đức thì gọi là hèn. Lại nữa, quỷ làm chúa thì gọi là sang, quỷ bị sai sử thì gọi là hèn. Giàu nghèo thì thế nào? Quỷ có uy đức thì có nhiều quần áo, có dư vật thực, được phục dịch tự tại, ấy gọi là giàu. Thân thường phải bôn ba, phải luôn luôn làm lụng, miếng cơm hẩm không nghe, manh áo rách khó gặp. Như loại quỷ này, đáng gọi là nghèo vậy”.

**Thứ mười một: PHẦN XÁ TRẠCH**

Như luận Bà-sa nói: “Quỷ có uy đức thì có đền đài trang hoàng bằng bảy loại châu báu. Tất cả các vị thần trong đất nước đều có đền đài làm chỗ cư trú. Quỷ không có uy đức như loại quỷ lang thang trôi nổi, như loại quỷ đói khát, đều không có nhà cửa. Tạm thời nương náu nơi mồ mả, đắp đống dựa chân trong chốn chùa chiền, hay trong hang hốc, cỏ cây. Ấy là nơi cư trú của chúng”. Bởi thế luận Trang Nghiêm nói rằng: “Phật bảo, ngày xưa ta từng nghe có người con trai của nhà buôn lớn tên là Úc Nhĩ, vượt biển để tìm mua châu báu, xong xuôi thì trở về. Vì tách ở riêng với đồng bạn, bị thất lạc, nên đâm ra hết sức kinh hoàng. Bị đói khát hành hạ, thấy xa xa có một ngôi thành, cho là có nước, cố đến bên thành, muốn xin nước uống, nhưng thành ấy là thành của ngạ quỷ. Khi vào trong thành, ngay ngã tư đường, là nơi mọi người tu hội, thì chẳng thấy gì. Vì quá đói khát, cất tiếng lên xin: “Nước! Nước!”. Bọn ngạ quỷ nghe được tiếng “nước, nước” ấy, nhất tề xông đến: “Không biết có kẻ nào đem nước cho chúng ta đây?”. Bọn ngạ quỷ này, thân thể như cột nhà cháy, xoa tóc quấn quanh mình, cùng chấp tay nói thế này: “Xin cho bọn tôi nước uống!”. Úc Nhĩ thấy thế, nói rằng: “Tôi bị cơn khát hành hạ quá, nên mới đến đây xin nước”. Bấy giờ, bọn ngạ quỷ nghe Úc Nhĩ nói vì bị cơn khát hành hạ, nên mới đi tìm nước thì hy vọng của chúng liền tiêu tan. Tất cả đều thở dài, nói thế này: “Ông há không biết đây là thành của ngạ quỷ sao? Làm sao có thể kiếm được nước ở trong thành này!”. Bèn nói kệ rằng:

*“Bọn tôi ở thành này,  
Đã trăm nghìn vạn kiếp,*

Còn chưa nghe tên nước,  
 Hướng gì là chuyện uống?  
 Giống như cây Đa la,  
 Bị đốt cháy phục lên.  
 Bọn tôi cũng như thế,  
 Chân tay bị nhen lửa.  
 Đầu tóc như bông bong,  
 Thân thể đều nứt bẩy.  
 Đêm ngày nhớ uống ăn,  
 Kinh hoảng kiếm mười phương.  
 Đói khát hành hạ quá,  
 Há miệng chạy đi xin.  
 Có người xách gậy rượt,  
 Tìm, bắt đánh rất đau.  
 Hèo quất, không cho đến,  
 Bọn tôi đành cam chịu.  
 Làm sao có được nước,  
 Để đem cho người khác?  
 Kiếp trước của bọn tôi,  
 Rất tham lận, ghen ghét.  
 Chưa từng cho một ai,  
 Nước uống và thức ăn.  
 Của mình đã không cho,  
 Còn bắt người đừng cho.  
 Vì tạo nghiệp ác ấy,  
 Hôm nay chịu khổ này”.

### **CẢM ỨNG DUYÊN:**

Trích dẫn sơ lược sáu chuyện linh nghiệm.

1. *Tư Mã Văn Tuyên đời Tống, người Hà Nội*: cũng tin Phật pháp. Vào năm Nguyên Gia thứ chín, đang có tang mẹ thì em mất. Sáng ngày rằm, bỗng thấy em mình hiện nguyên hình trên linh vị, không khác ngày thường. Quanh co thở dài, xin cho ăn uống... Văn Tuyên hỏi thử: “Lúc còn sống, em tu hạnh thập thiện. Theo kinh nói, phải được sinh lên trời hay sinh làm người. Tại sao lại sinh vào đường ngạ quỷ thế này?”. Người em cúi xuống, nhìn lên, trầm ngâm im lặng, không chịu trả lời. Ngay đêm ấy, Văn Tuyên mơ thấy em mình về nói: “Công phu tu thiện của em đã được quả báo sinh lên trời rồi. Con quỷ sáng nay hiện ra trên

bàn thờ chỉ là loại quỷ mị, không phải là em. Sợ anh ngờ vực, nên phải đến nói rõ cùng anh”. Sáng hôm sau, Văn Tuyên mời tăng sĩ đến tụng kinh Lăng Nghiêm và sai người đánh đuổi đi. Con quỷ ấy liền trốn dưới giường rồi chạy ra ngoài cửa, hình thù khá xấu xí. Cả nhà đều kinh hãi, mắng nhiếc đuổi đi. Quỷ trả lời: “Đói quá phải đến xin ăn thôi. Ít lâu sẽ đi!”. Một lát sau, trên đầu bàn thờ của mẹ ông lại có một con quỷ khác, da dẻ hình dung màu đỏ, thân thể rất cường tráng. Văn Tuyên thở dài, gợi chuyện qua lại, đều trả lời rành mạch. Lúc đầu còn sợ sệt, cuối cùng cũng hơi quen thuộc. Con quỷ cũng lân la lại gần, ăn ở vào ra gần như người nhà.

Bấy giờ, ở kinh đô cùng nhau truyền miệng đồn đãi. Người xem đi về, dấu chân chông chéo đầy cửa. Lúc ấy, tại chùa Nam Lâm có một tăng sĩ cùng với tăng sĩ ở chùa Linh Vị là Sa-môn Hàm đã cùng với con quỷ đàm luận, cũng rất khúc chiết. Quỷ nói: “Kiếp trước, tôi cũng từng là người tôn quý. Vì phạm nhiều tội ác, phải chịu quả báo, chưa trả xong thì làm quỷ. Đến năm Dần, sẽ có đám quỷ bốn trăm đứa, bọn chúng làm ra bệnh dịch. Trong những người phải chịu nạn, không liên can đến các vị tu hành. Nhưng bọn quỷ ngang ngược đông quá, sẽ lạm dụng ra uy thiện phước, nên trên sai tôi đến giám sát bọn chúng”. Tăng sĩ đưa đồ ăn đến cho. Quỷ nói: “Tôi đã có đồ ăn, không cần phải đem cho những thứ này”. Sa-môn Hàm nói: “Quỷ biết nhiều chuyện, hãy nói thân ta từ đâu đến? Tại sao làm Sa-môn?”. Trả lời rằng: “Từ đường người đến. Nhân duyên xuất gia vốn do lời thệ nguyện”. Hỏi về chung cuộc của những lễ tôn vong, sinh tử, quỷ trả lời đại khái, đều có hiệu nghiệm rõ ràng. Những chi tiết ấy rất nhiều, không thể ghi chép tỉ mỉ. Sa-môn Hàm hỏi: “Ông vốn không đến xin ăn, tại sao ở lâu đến thế?”. Quỷ trả lời: “Tại đây có một cô gái, đáng lẽ phải bị bắt. Nhưng vì giữ gìn giới hạnh tinh tiến, nên không thể bắt được. Lâu nay, tôi nấn ná ở đây là vì chuyện ấy. Làm quấy rối chủ nhà, thật đáng hổ thẹn!”. Từ đó về sau, rất ít thấy bóng dáng. Những kẻ đến xem sau, chỉ còn được nghe tiếng nói. Bấy giờ là năm Nguyên Gia thứ 10, đến ngày 28 tháng 3, quỷ nói với Văn Tuyên rằng: “Lâu nay đến ở nhờ, thấy ông xuất hết của cải làm phước. Đáng nể như thế, làm sao ở lâu?”. Hiếu Tổ (tự của Văn Tuyên) trả lời: “Đã cho ông ở nhờ, tại sao lại ở trên bàn thờ tổ tiên của người ta?”. Trả lời: “Những người đã mất trong nhà ông đều có chỗ ở cả. Chỗ này chỉ bày suông ra thôi. Thế nên, tôi mới ở tạm”. Liền đó, từ biệt ra đi.

2. *Vương Hồ đời Tống, người Trường An:* Có người chú mất đã

vài năm, đến năm Nguyên Gia thứ hai mươi ba, bỗng hiện hình về nhà, trách Hồ chỉ lo tu hành, bỏ phế việc nhà không lo liệu, đánh phạt năm mươi gậy. Những người hai bên và làng xóm đều nghe tiếng nói và tiếng gậy đánh phạt của người chú, lại thấy cả vết roi, nhưng không thấy hình dáng của người chú. Chỉ một mình Hồ là thấy được. Người chú bảo: “Số ta chưa đáng chết. Thần bảo cần ta để coi sóc bọn quỷ. Nay ta phải đi theo đoàn quan binh đông đảo, sợ kinh động hàng xóm nên không cho vào”. Hồ cũng thấy đoàn quỷ náo động ở ngoài làng. Giây lát, người chú từ biệt ra đi, và bảo rằng: “Ngày mồng bảy tháng bảy sang năm, ta sẽ trở về đưa cháu đi tham quan cõi âm, để biết sự báo ứng của tội phước. Không cần bày vẽ tốn kém, nếu cháu không bỏ ý định, chỉ mang theo trà thôi”. Đến kỳ hẹn, quả nhiên người chú trở về nói với người nhà của Hồ: “Nay ta đưa Hồ đi tham quan xong sẽ cho về. Chẳng có gì đáng lo ngại”. Hồ lập tức nằm lên giường, lặng bật như chết. Liền đó, người chú đưa Hồ đi tham quan khắp các chỗ núi non, xem đủ các loài yêu quỷ. Cuối cùng, đến Tung Sơn, bọn quỷ gặp Hồ, đều làm tiệt thết đái. Những món ngon đem mời không khác với thế gian, chỉ có món gừng thì rất giòn và ngon tuyệt. Hồ muốn giấu đem về. Bọn ngòi hai bên cười Hồ và nói: “Chỉ nên ăn tại đây, không được mang về”. Đến cuối, Hồ thấy một chỗ nhà cửa đẹp đẽ, rộng rãi. Màn chiếu sạch sẽ, chỉnh tề. Có hai tăng sĩ nhỏ tuổi ở đó. Hồ bước đến, hai tăng sĩ nhỏ tuổi dọn mời trái cây và trâu cau. Hồ đi tham quan cũng lâu, thấy đủ báo ứng của tội phước khổ vui, bèn xin từ biệt trở về. Chú của Hồ bảo: “Cháu đã biết thiện rất đáng tu, không nên tu tại gia. Ngài chân trắng như lụa, giới hạnh tinh tiến cao siêu. Thật xứng đáng làm thầy!”. Ở Trường An có vị Sa-môn chân trắng không dơ, nên người đương thời gọi là Bạch túc a luyện (chân trắng như lụa bạch), được giặc Ngụy rất tôn kính. Vua giặc Ngụy tôn làm thầy. Hồ đã đến xin quy y với ngài trong chùa, liền thấy hai tăng sĩ nhỏ tuổi từng gặp năm trước trên Tung Sơn đang theo học trong đại chúng. Hồ thất kinh, đem kể lẽ chuyện xa cách, hỏi thăm đến đây từ lúc nào. Hai tăng sĩ trả lời: “Bần đạo lâu nay vẫn ở chùa này, không nhớ trước đây có quen biết với huynh”. Hồ nhắc lại chuyện gặp gỡ trên Tung sơn. Hai tăng sĩ nói: “Huynh lầm với ai rồi! Đâu có chuyện ấy!”. Đến sáng hôm sau, hai tăng sĩ tự nhiên đi mất. Hồ đem kể rõ cho các Sa-môn chuyện gặp mặt trước đây trên Tung sơn. Đại chúng đều kinh ngạc, lập tức đi tìm hai tăng sĩ, không biết ở chỗ nào. Mới hiểu ra, họ chính là thần nhân.

Cuối niên hiệu Nguyên Gia, có tăng sĩ ở Trường An tên là Thích

Đàm Sảng đến chơi Giang Nam, kể rõ đầu đuôi như thế.

3. *Lý Đán đời Tống, tự là Thế Tắc, người Quảng Lăng*: nhờ hiếu thảo, cẩn trọng, thành thật, nổi danh khắp làng xóm. Ngày mười bốn tháng giêng năm Nguyên Gia thứ 3, đột ngột chết mất, nhưng lồng ngực vẫn còn ấm. Bảy ngày sau sống lại, đút cháo cho ăn, một lúc sau bình thường như cũ, kể rằng: “Có người cầm phướn làm hiệu, đến đầu giường bảo vua Diêm La có lệnh cho gọi. Đán liền đi theo một mạch về hướng Bắc. Đường xá rất bằng phẳng, yên lặng. Khi đến nơi, thấy thành quách lầu gác cao lớn đẹp đẽ, giống như cung điện hiện nay. Sai viên truyền giáo hỏi thăm và bảo đi tới trước. Thấy trên tòa sảnh lớn có ba mươi vị ngồi làm việc. Mặc áo đơn, chít khăn xanh, phân ban ngồi rất đông đúc. Một vị ngồi phía Đông, mặc áo bào, tựa vào ghế. Thị vệ hầu hạ hơn trăm người. Người ấy nhìn Đán rồi phán với các vị đang ngồi rằng: “Nên chỉ cho thấy địa ngục để nhân gian biết rõ”. Đán vừa nghe phán xong, ngừng đầu lên nhìn quanh bốn phía, không nhận ra đâu nữa. Nhìn lại thì thấy đang ở trong địa ngục, thấy đám tội nhân đang chịu quả báo, rên rỉ kêu gào không thể nhìn nổi. Bồng viên truyền giáo nói: “Vua Diêm La cho phép ông về. Sẽ đến đón ông lần nữa”. Nhờ thế, mà được trở về. Đến tháng giêng năm Nguyên Gia thứ 6 lại chết. Bảy ngày sau sống lại, thuật rõ mọi chuyện đã thấy, đại khái cũng như trước đây. Hoặc có tội nhân gởi lời nhắn lại với gia đình, lúc sống đã phạm tội, nhờ ra tay làm phước giùm cho. Nói qua tên họ, thân thích, làng xóm. Đán theo lời tìm đến, đều gặp được để chuyển lời. Đán còn nói vào năm giáp Thân, sẽ xảy ra trận dịch để tiêu diệt kẻ ác. Đệ tử thờ Phật, giữ giới Bát quan trai, tu tâm làm lành sẽ được thoát nạn. Đán giữ chức tế tửu của Đạo gia, bèn muốn bỏ đạo của mình. Đồ chúng khuyên răn, nên Đán theo cả hai bên, nhưng vẫn thường nhắn nhủ thực hành phép Bát quan trai.

4. *Vào năm Nguyên Gia thứ bốn đời Tống*: Thượng thư Bộc xạ Trịnh Tiên Chi, người đất Vinh Dương, tháp tùng nhà vua đi tuần sát kinh thành. Vừa tới nơi, đang đêm liền chết đột ngột. Ông hiển hiện lời thiêng bảo với mọi người: “Thọ mạng của ta đã hết lâu rồi, đáng ra phải chết sớm hơn. Nhờ suốt mấy năm nay, kính tin Phật pháp, bố thí phóng sinh. Vì công đức ấy nên mới kéo dài thêm được mấy năm. Than ôi! Lê báo ứng của hai cõi âm dương vốn có ảnh hưởng cùng nhau. Cần phải lìa bỏ thế tục, chuyên tâm phụng thờ Chánh pháp”. Bấy giờ, nhiều kẻ tôn quý cao sang đều nghe những điều ấy. (Bốn chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Minh Báo Ký).

5. *Huê Nhân Thiến là người Hàm Đan ở quận Triệu đời Đường:* Thử nhỏ theo học sách Nho, không tin quỷ thần. Thường muốn xem quỷ thần có thực hay không, đã đến một người dạy cho thấy quỷ học hơn mười năm, cũng chẳng thấy gì. Về sau dời nhà sang huyện Hướng. Trên đường đi, gặp một người giống quan lớn, áo mũ rất lộng lẫy, cưỡi ngựa tốt, có hơn năm mươi tùy tùng, nhìn Nhân Thiến nhưng chẳng nói gì. Sau đó, vẫn thường gặp người ấy, nhưng thái độ vẫn như thế. Suốt hơn mười năm, cả thấy mấy chục lần. Sau nữa, bỗng dừng ngựa gọi Nhân Thiến, nói: “Thường gặp ông luôn, lòng ta rất hâm mộ. Xin được kết giao cùng ông”. Nhân Thiến liền vái chào, hỏi: “Ông là ai thế?”. Đáp: “Ta chính là quỷ đây. Họ là Thành, tên Cảnh, vốn người ở Hoàng Nông, làm Biệt giá thời Tây Tấn, hiện làm Trưởng sử ở nước Hồ”. Nhân Thiến hỏi: “Nước ấy ở đâu? Nhà vua tên họ gì? Đáp: “Phía Bắc Hoàng Hà đều là lãnh thổ của nước ấy. Kinh đô đóng tại phía Tây Bắc Lâu Phiền, là Sa Thích đấy mà! Nhà vua chính là Vũ Linh vương của nước Triệu ngày xưa, nay cai trị nước ấy, dưới sự thống lãnh của Thái Sơn. Hằng tháng, nhà vua đều sai Thượng tướng về châu Thái Sơn. Thế nên, ta thường đi qua nơi đây và cùng ông gặp gỡ. Ta cũng có thể giúp cho ông biết trước tai họa để tránh né, thoát khỏi thiệt hại. Chỉ trừ định mệnh sống chết và báo ứng của họa phúc lớn lao thì không thể thay đổi được mà thôi”. Nhân Thiến bằng lòng. Do đó, Thành Cảnh tặng cho một viên tùy tùng là thư ký họ Thường, sai đi theo Nhân Thiến và dặn dò: “Có chuyện sắp xảy ra, hãy báo trước cho Nhân Thiến biết. Chuyện gì nhà ngươi không biết nổi, phải đến báo cho ta hay”. Liền đó, từ biệt ra đi. Thường thư ký luôn luôn đi theo Nhân Thiến, giống như người hầu. Mỗi khi có chuyện cần tham vấn, chắc chắn đều biết trước. Bấy giờ, vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp, Chi Tượng ở Lãng Sầm lãnh lệnh doãn tại Hàm Đan. Con là Văn Bản, tuổi còn niên thiếu. Chi Tượng mời Nhân Thiến đến nhà giảng sách cho Văn Bản. Nhân Thiến đem chuyện này kể cho Văn Bản nghe, rồi nói: “Thành Trưởng sử nói với ta, có một chuyện xấu hổ với ông lắm, không thể nói ra được. Nhưng đã chơi thân với ông, không thể không nói cho ông hay. Đường quỷ thần cũng có ăn uống thật, nhưng ăn không được no, luôn luôn khổ vì đói. Nếu ăn được một bữa của người, thì sẽ no suốt một năm. Vì thế, phần đông bọn quỷ đều đi ăn trộm của người. Ta đã có địa vị cao sang, không thể làm chuyện trộm cắp như thế. Xin ông cho một bữa ăn”. Khi Nhân Thiến đem chuyện ấy nói với Văn Bản, Văn Bản cho làm cỗ đủ các món ăn ngon quý. Nhân Thiến nói: “Quỷ không muốn vào nhà người, phía



ngoài bờ sông, nên giăng màn trải chiếu, bày tiệc dọn rượu lên trên”, Văn Bản làm theo lời ấy. Đến ngày, Nhân Thiến thấy Cảnh và khách khứa cùng đến, hơn trăm tùy tùng cũng đã ngồi yên. Văn Bản đứng lên vái chào, tạ lỗi vì cơm rượu chưa mấy tinh mỹ, đồng thời cũng truyền đạt lòng cảm tạ của Cảnh. Trước đó, khi Văn Bản sắp thết đãi, Nhân Thiến xin sắm vàng lụa để làm quà tặng. Văn Bản hỏi: “Đó là những thứ gì?”. Nhân Thiến nói: “Vật dụng của quý đều khác với người, chỉ có vàng và lụa thì thông dụng như nhau, nhưng tốt nhất là đồ giả. Lấy màu vàng bôi lên thiếc trắng làm vàng, lấy giấy làm bạc là giá trị nhất. Văn Bản theo lời mà sắm sửa. Khi Cảnh đã ăn uống xong, mới cho các tùy tùng ăn uống. Văn Bản đem tặng các thứ vàng lụa chế tạo, Cảnh rất hoan hỷ, cảm ơn: “Nhân ông Huệ nói ra, khiến cậu phải bận lòng sắm sửa mọi thứ! Cậu muốn biết tuổi thọ không?”. Văn Bản từ chối: “Không mong biết đến!”. Cảnh cười rồi ra đi. Một năm sau, Nhân Thiến mắc bệnh, tuy không nặng lắm, nhưng không gượng dậy nổi. Đã hơn một tháng trôi qua, Thiến hỏi Thường thư ký, nhưng Thường không biết, liền hỏi trưởng sử. Trưởng sử trả lời: “Hiện không biết được việc trong cả nước, chờ tháng sau, nhân đi châu Thái Sơn, hỏi thăm tin tức rồi sẽ báo lại”. Đến tháng sau, trưởng sử báo rằng: “Do chính người làng là ông Triệu làm chủ sự ở Thái Sơn, vì còn thiếu một viên, đã tiến cử ông vào chức ấy, nên làm báo cáo trình bày, xin triệu ông. Khi báo cáo làm xong thì sẽ chết”. Nhân Thiến hỏi: “Xin đem báo cáo cho xem”. Cảnh nói: “Tuổi ông thọ hơn sáu mươi, nay mới bốn mươi, chỉ vì chủ bạ họ Triệu xin trưng dụng ông mà ra nông nổi này thôi! Phải xin lại giúp ông mới được!”. Rồi nói thêm: “Chủ bạ họ Triệu có hỏi thăm, nói anh Huệ là bạn học ngày xưa, tình sâu nghĩa nặng. Tôi may mắn được làm chủ bạ ở Thái Sơn. Vừa rồi có thiếu một viên ở đó. Vua Diêm La ra lệnh kiểm người. Tôi đã đem bả với ngài, và được chấp thuận. Anh ấy không thể sống mãi, chắc chắn phải chết. Chết đi, dù có cơ may, chưa chắc đã được làm quan. Tiếc chi một vài mươi năm kéo dài cuộc sống tạm bợ? Nay văn thư đã ban hành, không thể chậm lại. Mong anh ấy quyết định ý hướng đến đây, đừng nên chần chờ gì nữa!”. Nhân Thiến lo sợ, bệnh càng nặng thêm. Cảnh bảo Thiến rằng: “Chủ bạ họ Triệu chắc chắn muốn mời ông đến. Ông có thể thân hành lên Thái Sơn, đến trước vua Diêm La kêu cầu, may ra có thể thoát được”. Thiến hỏi: “Làm sao có thể ra mắt vua Diêm La?”. Cảnh bảo: “Chỉ loài quỷ mới có thể gặp được mà thôi. Đến miếu Thái Sơn, vượt qua một dãy núi nhỏ về phía Đông, đến chỗ đất bằng, đó là kinh đô của ngài. Ông tự mình đến ra mắt

ngài đi”. Thiến đem báo cho Văn Bản, Văn Bản sửa soạn giúp hành trang. Được mấy hôm, Cảnh lại báo với Thiến: “Văn thư sắp xong rồi, sợ ông kêu cầu cũng không thoát khỏi. Hãy mau mau làm một tượng Phật, văn thư ấy tự nhiên sẽ tiêu tan”. Thiến báo cho Văn Bản, rồi đem 3 nghìn tiền mượn vẽ một tượng Phật lên vách phía Tây nhà chùa, vừa xong, Cảnh lại đến báo: “Thoát rồi!”. Thật tình, Thiến không tin Phật. Trong lòng vẫn còn hồ nghi, nên hỏi Cảnh rằng: “Phật pháp nói có nhân quả ba đời, điều này hư thật ra sao?”. Cảnh trả lời: “Đều thật cả”. Thiến lại hỏi: “Đã như thế, thì người chết sao phải phân chia sáu đường, lẽ nào tất cả đều làm quỷ? Tại sao Vũ Linh vương và ông đến nay vẫn còn làm quỷ?”. Cảnh hỏi: “Trong huyện của ông có bao nhiêu nhà?”. Thiến đáp: “Hơn vạn nhà”. Lại hỏi: “Trong ngục có bao nhiêu tù?”. Thiến đáp: “Bình thường, dưới hai mươi đứa”. Lại hỏi tiếp: “Trong vạn nhà ấy, có bao nhiêu người làm quan ngũ phẩm?”. Thiến đáp: “Không có ai cả”. Lại hỏi nữa: “Từ cửu phẩm trở lên. Có bao nhiêu người làm quan?”. Thiến đáp: “Vài chục người”. Cảnh nói: “Ý nghĩa của sự phân chia vào trong sáu đường cũng như thế mà thôi. Được sinh lên đường Trời, vạn người chưa có được một, giống như trong huyện của ông không có ai được làm quan ngũ phẩm. Được sinh vào đường người, vạn người có được vài ba, giống như trong huyện của ông có vài chục người làm quan cửu phẩm. Đọa vào địa ngục, vạn người cũng có mấy chục, giống như số tù nhân trong nhà ngục của huyện ông. Chỉ có ngựa quỷ và súc sinh là nhiều nhất, giống như số nhà phải chịu thuế má phu phen trong huyện của ông. Ngay trong đường này cũng có thứ bậc”. Nhân đó, Cảnh chỉ vào kẻ tùy tùng rồi nói: “Người ấy hoàn toàn không giống như ta. Những kẻ không bằng người ấy, lại càng nhiều hơn nữa”. Thiến hỏi: “Quỷ có chết không?”. Trả lời: “Có chứ”. Thiến hỏi: “Chết xong sẽ sinh vào đường nào?”. Trả lời: “Không biết. Giống như người chỉ biết chuyện sống mà không biết chuyện sau khi chết xong”. Thiến hỏi: “Đạo gia đặt ra số chương cúng vái, liệu có cầu khẩn thêm được gì không?”. Cảnh đáp: “Đạo gia chủ trương Thiên đế quản lãnh khắp cả sáu đường, gọi đó là Thiên tào. Vua Diêm La giống như Thiên tử của thế gian. Chúa của Thái Sơn giống như Tể tướng. Những vị thần coi năm đường giống như các Thượng thư. Còn nước của bọn ta giống như châu, quận lớn. Mỗi khi nhân gian có chuyện cầu xin, gọi là dâng chương số. Như chuyện cầu phước, cũng giống cầu thần ban cho ơn phước. Thiên tào nhận lấy, giao xuống cho Diêm La, bảo ngày tháng đó, có người đó kêu cầu chuyện đó. Cần xem xét tận tình, đừng để oan uổng, lạm phép. Vua

Diêm La nhận lấy và tuân hành theo, giống như người ta tuân theo chiếu chỉ. Chuyện phi lý, không thể cầu khẩn van nài. Có oan uổng, chắc chắn được làm sáng tỏ. Làm gì có chuyện cầu khẩn thêm được!”. Thiến còn hỏi: “Nhà Phật tu phước thì thế nào?”. Cảnh đáp: “Phật là bậc đại Thánh. Không có văn thư sai khiến xuống dưới. Hễ ai tu phước thì sẽ được thiên thần kính nể. Phần đông đều được hưởng khoan hồng. Như người nào phúc hậu, dẫu có tên trong sổ bộ của bên đường ác, cũng không được phép bắt bớ. Đó là điều ta không biết và cũng không hiểu tại sao lại như thế”. Cảnh nói xong, liền ra đi. Một vài ngày sau, Thiến có thể ngồi dậy nổi và lành bệnh hẳn.

Sau khi Văn Bản mất cha, liền trở về quê. Thiến gửi thư nói: “Quý thân thật giỏi tham lam ton hót. Ngày trước, muốn cậu cho ăn uống, nên rất thân thiết ân cần. Khi biết không còn lợi dụng được nữa, liền tỏ ra rất lạnh nhạt xa lạ. Tuy thế, Thường thư ký vẫn còn hạp mặt. Vừa qua huyện nhà bị giặc vây, số người chết chóc, thất tán gần hết. Ta nhờ Thường thư ký báo trước, nên cũng bình tâm. Giặc không bắt gặp, nên vẫn được an toàn”.

Ngày mồng 8 tháng chín năm Trinh Quan thứ mười sáu, các văn thần được nhà vua ban cho tập bắn ở cửa Huyền Vũ. Bấy giờ, Văn Bản làm Trung thư thị lang, cùng đi với anh ruột làm Thái thường khanh và Thị thư thị ngự sử Mã Châu, Cấp sự trung Vi Côn. Khi ngồi vào chỗ với nhau, Văn Bản tự mình đem kể với các đồng liêu nghe như thế. (Chuyện trên đây rút từ Minh Báo Ký).

*6. Thuật rõ nhiều loại quỷ thần trong nhân gian:* Các huyện vùng núi ở Lâm Xuyên có yêu quái đến ở, thường nhân mưa gió lớn, cất tiếng kêu lên như hú, biết bắt người. Vết thương như bị móng thú cào cấu, đầu sưng nặng nề. Độc nhất là thứ trống, mái. Trống thì nhanh, mái thì chậm. Nhanh thì không quá nửa ngày. Chậm thì không qua khỏi đêm. Lên rừng cần có người đi theo, thường để cứu chữa. Nếu chữa chạy ít bớt thì phải chết. Tục gọi là “quỷ lao đao”. Thế nên sách dân gian nói: “Quý thân là kẻ chứng nghiệm của sự phát huy họa phúc đối với nhân thế”.

Lão Tử nói: “Xưa được một, nghĩa là trời được một để trong. Đất được một để yên. Thần được một để linh. Hang được một để đầy. Vương hầu được một để làm lành cho thiên hạ”. Thế thì, trời đất quỷ thần đều là những chủ thể sống chung với ta vậy. Vì khí phân hóa, nên tính khác nhau. Đứng riêng biệt nên hình lạ hoắc. Chẳng có gì được lưỡng toàn cả. Sống thì nặng nề về dương. Chết thì nặng nề về âm. Là chỗ nương

nấu của tính. Mỗi cái đều được yên nơi. Trong cõi thái âm có quái vật sinh tồn”. (Hai chuyện nhỏ trên đây rút từ Sưu Thần Ký).

Sách Hàn Thi Ngoại Truyện nói: “Chết làm quỷ. Quỷ là quay về. Tinh khí quay về với trời. Thịt quay về với đất. Huyết quay về với nước. Mạch quay về với đằm. Tiếng quay về với sấm. Cử động quay về với gió. Mắt quay về với mặt trời mặt trăng. Xương quay về với cây. Gân quay về với núi. Răng quay về với đá. Mỡ quay về với móc sừng. Móc sừng quay về với cỏ. Hơi thở lại quay về với con người”.

Sách Lễ Ký Tế Nghĩa chép: “Tể Ngã nói, con nghe tên của quỷ thần, nhưng không biết được ý nghĩa. Khổng Tử bảo rằng: “Khí là sự hưng thịnh của quỷ thần. Phách là sự hưng thịnh của quỷ. Tổng hợp cả quỷ và thần là mục đích của giáo hóa vậy”.

Theo sách Thập Lục Quốc Xuân Thu Tiên Lương Lục của Thôi Hồng nói: “Trương Khuynh là con nhà họ Mã ở An Định. Trước đây, khi Trương Khuynh giết Cúc Kiệm. Cúc Kiệm buông lời oán hận. Thế rồi, dưới ánh trăng sáng thấy con chó bạch xuất hiện. Trương Khuynh rút kiếm chém lấy, bị té nhào xuống, không gượng dậy nổi. Kẻ hầu cận thấy Cúc Kiệm đứng ngay bên cạnh. Trương Khuynh chết ngay.

Theo kinh Thần Dị nói: “Phía Đông Bắc có thạch thất của chần tinh, gồm có ba mươi hộ ở chung. Bia đá dựng kê bên đề rằng “cửa quỷ”. Suốt ngày không đóng cửa. Đến chiều tối có tiếng người nói, có ánh lửa xanh lóe lên”. (Bốn chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ sách Thái Bình Ngự Lâm).

Thử còn nhỏ, Tống Định Bá ở Nam Dương đi đêm gặp quỷ, hỏi: “Ai đó?”. Đáp: “Quỷ đây”. Bỗng quỷ hỏi lại: “Ông là ai thế?”. Định Bá gạt nó, trả lời: “Ta cũng là quỷ”. Quỷ hỏi: “Đang đi đâu?”. Đáp rằng: “Đang đến chợ Uyển”. Rồi đi được mấy dặm, quỷ nói: “Đi bộ thế này chậm quá, nên cùng thay phiên công nhau”. Định Bá nói: “Hay tuyệt!”. Quỷ bèn công Định Bá trước, đi được mấy dặm, quỷ nói: “Ông nặng quá. Hay không phải là quỷ?”. Định Bá trả lời: “Vì ta mới chết nên thân còn nặng”. Nhân đó, Định Bá thay phiên công lại quỷ. Quỷ hầu như không nặng chút nào. Cứ thế, cùng thay phiên công nhau đến ba lượt. Định Bá lại nói: “Ta mới chết, nên không biết rõ quỷ sợ cái gì?”. Quỷ đáp: “Chỉ không thích người ta nhổ vào mình thôi”. Rồi công nhau đi tiếp. Giữa đường gặp sông, Định Bá bảo quỷ lội trước. Quỷ nghe lời, tuyệt đối không có tiếng động. Định Bá tự lội, tiếng động bì bõm. Quỷ lại hỏi: “Tại sao lội có tiếng động?”. Định Bá trả lời: “Mới chết, không quen lội nước, nên phải như thế. Đừng lấy làm lạ về ta nữa”. Đi sắp

đến chợ Uyển, Định Bá liền công quỹ, túm lấy trên đầu, giữ thật chặt. Quỹ kêu ré lên thành tiếng lớn đòi xuống. Định Bá không nghe lời, cứ đi thẳng một mạch đến chợ Uyển. Bỏ quỹ xuống đất, nó liền hóa thành một con dê. Định Bá đem ra bán. Sợ nó biến hình, liền nhổ vào nó. Định Bá bán được một ngàn năm trăm tiền rồi bỏ đi. Thời bấy giờ, Thạch Sùng nói: “Định Bá bán quỹ được một ngàn năm trăm tiền”. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ Liệt Dị Truyện).

Sách Triệu Thái Truyện nói: “Thái từng lạng lẽ mà chết. Có hai người sứ giả dắt đi về phía Tây, vào trong tòa chính điện, gồm có ba lớp cửa màu đen, chu vi rộng mấy chục dặm, nóc cao lợp ngói. Hôm đó, cũng có người cùng chết, nam nữ đến 5, 6 nghìn người, tất cả đều chờ ngoài cửa. Có viên thư ký mặc áo đơn trắng, cầm bút điểm danh. Nam nữ chép riêng thành hai hàng trái phải. Bảo rằng: “Đừng nhúc nhích, ta phải dẫn các người vào trình với chúa Thái Sơn. Sổ bộ nằm trong quyển thứ 20”. Giấy lát đã đến nơi. Chúa ngồi quay mặt về phía Tây, hai bên có thị vệ cầm đao đứng hầu. Hai hàng nam nữ đến đó, nghe kêu tên, lần lượt từng người một bước vào chỗ chúa. Căn cứ vào tội trạng nặng nhẹ, chúa xét xử cho vào ngục”. Xét Bảo Phác Tử nói: “Theo các sách Cửu Đỉnh Ký và Thanh Linh kinh đều cho rằng người và vật chết đi, đều có quỹ cả”.

Đời Ngụy, khi Tôn Ân làm loạn, đất Ngô Hưng đều rối beng. Có một gã đàn ông trốn loạn, đột nhập vào miếu thờ Tưởng hầu. Mới bước vào cửa, tượng gỗ đã giương cung bắn gã chết tươi. Người qua đường và thú từ, ai cũng trông thấy rõ ràng. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ U Minh Lục).

## **II. Bộ thứ 5: SỨC SINH**

Gồm có 10 phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Thân lượng, Thọ mệnh, Nghiệp nhân, Báo thụ, Tu phúc, Khổ lạc, Hảo xú.

### **Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý**

Than ôi! Luận đến sức sinh, ngu si thọ quả. Đông đúc giống loài, phức tạp ngành họ. Bẩm chất uest dơ, đường ác sinh hạ. Bỏ hết tuệ căn, chứa chất tham giận. Bởi thế, ong, ve giấu nọc; rắn rít nuôi thù. Cu, sể dâm bôn; sói, chồn hung dữ. Hoặc có loại, lông mang sừng nhú, khoác lục ngậm châu; nanh nhọn mỏ to, vuốt dài mai bén. Hoặc có loại, nghe vật đi về, chịu người sai sử. Sủa đem chó giỏi, gáy sớm gà tranh. Trâu

nhọc ruộng đồng, ngựa lao chinh chiến. Xác thịt do đó tiêu hao, da dẻ vì thế khô héo. Hoặc có loại, đâm lầy núp bóng, mắc bẫy lưới giăng; ao vũng nương mình, gặp nạn lờ mờ. Như những loại này, đều xin sám hối. Cho đến côn bằng vĩ đại, kiến mối li ti. Chuột nhũi hợp nước sông sâu, chim ri làm tổ cây lớn. Thủy lục sinh sản, mao vũ bầy đàn. Sắc sở thân hình, rức tía vảy giáp; hồng thắm mang vi, đỏ tươi đuôi chót. Như những loại này, xin được sám hối.

Khiến cho, tín căn thanh tịnh, bỏ tướng xấu xa, tuệ mạng trang nghiêm, phục hồi Thiên báo. Không bị ruổi dong khổ sở, xa đứt mỡ xẻ đốn đau. Mặc ý tiêu dao, tùy tâm phóng khoáng. Uống ăn tự tại, ca hát thanh thơi. Ra khỏi chậu lồng, thoát hẳn trói buộc.

### **Thứ hai: PHÂN HỘI DANH**

Súc sinh, như trong luận Bà-sa giải thích, sinh nghĩa là chúng sinh, súc có nghĩa nuôi dưỡng. Nghĩa là chúng sinh ngang ngược ấy, bằm tính ngu si, không thể tự lập, được người khác nuôi dưỡng, nên gọi là súc sinh.

Hỏi: Nếu vì được nuôi dưỡng mà gọi là súc sinh, thì các loài Rồng ở nước, ở cạn, ở trên không, không được người ta nuôi dưỡng, có nên gọi là súc sinh chăng?

Đáp: Dưỡng có nghĩa rất rộng, khắp nhân gian cho đến các cõi Trời Lục dục. Không nuôi dưỡng, ở đấy hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ trong các chỗ núi non, đồng nội, đâm lầy của nhân gian mà thôi. Hơn nữa, loài Rồng ngày xưa cũng từng được người ta nuôi dưỡng, có nói rõ tại kinh văn. Nay được nuôi dưỡng cũng rất nhiều, nên mới gọi là súc sinh. Và lại, luận Lập Thế nói: “Súc sinh, Phạm ngữ gọi là Để lật xa. Do gây nghiệp ton hót quanh co, nên phải sinh vào đường ấy”. Vì thế, luận ấy còn nói: “Chúng sinh trong đường này, phần nhiều đi sắp mình xuống nên mới gọi là Để lật xa”.

Theo trong luận Tân Bà-sa thì gọi là Bàn sinh, nên có câu hỏi: “Sao gọi là đường Bàn sinh?”. Đáp: “Thân hình của chúng nằm ngang, nên cũng đi ngang. Vì thân hình đã nằm ngang, nên cũng phải đi ngang như thế, mới gọi là bàn sinh”. Có người nói: “Do các chúng sinh ở đấy đã tạo thêm lên các hành vi xấu về thân ngữ ý, phải sinh vào đường ngu tối ấy, nên gọi là bàn sinh. Nghĩa là loại súc sinh ấy đều hiện hữu khắp năm đường khác. Như trong địa ngục có loại không chân, như các loài trùng Nương củ tra. Có loại hai chân, như các loài chim mỏ cứng như sắt. Có loại bốn chân, như các loài chó đen lớn xác. Có loại nhiều

chân, như các loài trăm chân. Trong đường quỷ có loại không chân, như các loài rắn độc. Có loại hai chân như loài quạ, cú. Có loại bốn chân, như các loài chồn cáo, voi, ngựa. Có loại nhiều chân, như các loài sáu chân, trăm chân. Trong ba châu lớn của đường người, có loại không chân, như tất cả các loài côn trùng bò sát. Có loại hai chân như các loài le, nhạn. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Có loại nhiều chân, như các loài trăm chân. Trong châu Câu Lô, có loại hai chân, như các loài le, nhạn. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Không có các loại không chân và có nhiều chân. Vì ở đấy là nơi hưởng quả báo không muộn phiền. Trong các Trời Tứ thiên vương và Tam thập tam, có loại hai chân, như các loài chim tuyệt đẹp. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Các loại khác đều không có nữa, như trên đã giải thích. Lên trong cõi Trời Thiên, chỉ có loại hai chân, như các loài chim tuyệt đẹp. Các loại khác đều không có nữa. Vì cõi Trời Không cư càng tốt đẹp hơn”.

Hỏi: Trong bốn cõi Tứ Thiên ấy, nếu không có các loài voi, ngựa, lấy gì để cưỡi? Cũng nghe nói chư Thiên ở đấy cưỡi các loài voi ngựa. Tại sao lại nói là không?.

Đáp: Do phước lực của chư Thiên ở đấy, nên đã tạo ra các loài voi, ngựa vô tri để cưỡi đi chơi cho vui thích.

Theo kinh Lôu Thán nói: “Súc sinh không giống nhau. Có ba loại: một là cá, hai là chim, ba là thú. Trong cả ba loài này, mỗi loài đều nhiều vô số. Cá có sáu ngàn bốn trăm giống. Chim có bốn ngàn năm trăm giống. Thú có hai ngàn bốn trăm giống. Trong kinh ấy cũng chỉ nói tổng số, không phân biệt rõ tên các loài”. Trong kinh Chánh Pháp Niệm thì chủng loại cũng giống nhau. Có 40 ức, nhưng cũng không liệt kê rõ tên các giống loài.

### **Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ**

Như luận Tân Bà-sa có câu hỏi: Bằng sinh vốn cư trú chỗ nào?

Đáp: Chỗ cư trú vốn tại trong biển lớn. Về sau, di trú khắp các đường khác.

Hỏi: Hình dáng thế nào?.

Đáp: Phần nhiều nằm ngang, cũng có loài đứng thẳng, như các loài Khẩn nại lạc xá già hê lô sách ca.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: “Khi kiếp mới thành, đều nói tiếng Thánh. Về sau, do lúc thọ dụng ăn uống, nên phân chia thành các loại chúng sinh không giống

nhau. Vì ton hót, đối trá tăng lên, nên có các loại tiếng nói khác nhau. Thậm chí, còn có loài không biết nói”.

Lại nữa, luận Cự Bà-sa nói: “Chỗ cư trú của súc sinh có chính và phụ khác nhau. Thứ nhất: chỗ ở chính. Có người bảo, tại chỗ tối tăm trong khoảng giữa hai ngọn núi Thiết Vi, hoặc tại đáy biển lớn, hoặc tại trên các châu, bãi. Thứ hai: chỗ ở phụ thì bảo tại trong năm đường. Như trong địa ngục, hoặc có loại súc sinh không chân, như các loài rắn ở đáy. Hoặc có loại hai chân, như các loài quạ cú ở đáy. Hoặc có loại bốn chân như các loài chó ở đáy (trong đó, hoặc có loài có báo thân thật, hoặc có loài có hóa thân, không nhất định). Trong đường quý, cũng có loài súc sinh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Nghĩa là các quý có uy đức trong đường ấy cũng có các loài voi, ngựa, lạc đà, lừa. Trong loại quý không có uy đức, chỉ có các loài chó. Trong đường A-tu-la thì cũng giống như đã nói trong đường quý”.

#### *Thứ tư:* PHẦN THÂN LƯỢNG

Như kinh Bồ tát Xử Thai nói: “Thứ nhất: chim lớn, không gì hơn chim Kim sí, đầu và chân dài cách nhau tám ngàn do tuần, chiều cao cũng như thế. Như khi chim ấy bay đi, từ một ngọn núi Tu-di này đến một ngọn núi Tu-di khác, không hề nghỉ chân giữa khoảng đường bay. Kinh văn đã nói rộng rãi điều này. Thứ hai: thú lớn, không gì hơn rồng. Như kinh A-hàm nói: “Hai con rồng Nan Đà và Bạt Nan Đà cực lớn, quấn bảy vòng quanh núi Tu-di. Đầu như đỉnh núi, đuôi nằm trong biển”. Thứ ba: thân cá lớn, không gì hơn các Ma kiệt lớn. Như luật Tứ phần nói: “Thân cá Ma kiệt lớn thì dài, hoặc ba trăm do tuần, bốn trăm do tuần. Thậm chí, thân cá lớn nhất dài đến bảy trăm do tuần”. Thế nên, kinh A-hàm nói: “Mắt như mặt trời mặt trăng. Mũi như núi lớn. Miệng như núi lửa”.

Nếu theo các sách thế gian, Trang Châu có nói: “Có chim đại bàng, thân hình rất lớn. Lưng chim đại bàng ấy, không biết mấy nghìn dặm. Khi sắp bay, quấy nước tung lên ba ngàn dặm, cánh vươn rộng như che kín mây trời, nương cơn lốc mà lên cao, cách mặt đất chín vạn dặm, rồi mới bay đi. Muốn từ biển Bắc sang biển Nam, một chuyến phải mất sáu tháng, chẳng hề đậu nghỉ giữa đường”. (Theo nội điển, chim này xem như chim Kim sí nhỏ. Thế gian không lường được, nên mới nói khác, thành ra chim đại bàng).

Sách thế gian còn nói: “Thú ở nước lớn, chẳng có gì hơn con ba ba Cự linh. Thân hình của nó rất lớn, đầu đội núi Bồng Lai, đi vào biển



lớn để rong chơi mà cũng chẳng nói mình cao thấp lớn bé”. (Con ba ba này không lớn bằng con cá Ma kiệt nhỏ, nên không thể đem ra so sánh hơn thua được). Trang Châu nói: “Chim nhỏ không gì hơn chim Tiêu minh. Nuôi con trên vôi nuôi. Để trứng, ấp con, cho bú trên vôi muối ấy mà trứng cũng chẳng rơi xuống”. (Chim này cũng chưa đạt kỷ lục nhỏ. Chúng sinh trong nội điển có hóa thân nhỏ nhất thì thân hình chỉ bằng hạt vi trần, phải dùng thiên nhãn mới thấy được. Thế nên, trong luật Phật nói rằng Phật dạy các Tỳ-kheo phải lọc nước để uống. Xá Lợi Phất đã lọc nhiều lần, nhưng vẫn còn vi trùng. Vì thế, bảy ngày không dám uống nước, thân hình trở thành khô xẹp. Phật biết rõ nhưng vẫn hỏi: “Tại sao ông tiêu tụy đến thế?”. Xá Lợi Phất thưa rằng: “Phật dạy, phải lọc nước để uống. Tôi dù đã lọc nhiều lần, đến khi dùng thiên nhãn xem lại, vi trùng vẫn còn lọt qua được, giống như bình bát có cát trôi trong nước. Để bảo vệ sinh mạng, tôi không dám uống nước, nên thân thể tiêu tụy thế này”. Phật bảo Xá Lợi Phất: “Nếu lấy thiên nhãn ra xem, thì tất cả chúng sinh chẳng còn ai sống được. Từ nay về sau, ta cho phép chỉ dùng nhục nhãn xem nước trong sạch, trong đó không có vi trùng, thì có thể uống được”). Thế nên, báo thân nhỏ bé của chúng sinh, khắp nơi đều có. Liệu vi trùng nhỏ bé, há bằng con Tiêu minh to lớn kia chẳng?

#### **Thứ năm: PHẦN THỌ MẠNG**

Như luận Tỳ-đàm nói: “Chúng sinh thọ nhất trong đường súc sinh không hơn một kiếp, như các loài Rồng chúa Trì địa và rồng Y la bát. Chúng sinh yếu nhất không hơn loài phù du, sáng sinh chiều mất, không đầy một ngày. Chúng sinh thọ trung bình thì không thể nói hết”. Còn luận Trí Độ nói: “Phật dạy Xá Lợi Phất quán từ kiếp quá khứ đến vị lai của chim bồ câu. Trước sau đều tám vạn kiếp, nhưng vẫn chưa bỏ được xác chim ấy”. Thế nên, thọ mạng ngắn dài của súc sinh, người phàm không thể ước đoán nổi.

#### **Thứ sáu: PHẦN NGHIỆP NHÂN**

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: “Tạo đủ mười nghiệp sau đây thì phải chịu quả báo súc sinh: một là thân làm ác, hai là miệng làm ác, ba là ý làm ác, bốn là từ phiền não tham lam nổi lên các nghiệp ác, năm là từ phiền não sân hận nổi lên các nghiệp ác, sáu là từ phiền não si mê nổi lên các nghiệp ác, bảy là phỉ báng chúng sinh, tám là

hành hạ chúng sinh, chín là đem cho đồ dơ uế, mười là làm chuyện tà dâm”. Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Chủng loại chúng sinh, mỗi loài đều khác, tạo nhân chịu quả báo cũng chẳng giống nhau. Kinh văn đã nói rõ ràng, không thể thuật hết ra được”. Nếu theo kinh Địa Trì nói: “Tạo đủ mười nghiệp ác. Mỗi một nghiệp đều có thể khiến chúng sinh đọa vào trong các đường địa ngục, súc sinh và ngạ quỷ. Sau đó mới được làm người, nhưng vẫn còn chịu báo ứng của tiền kiếp”. (Trong các thiên khác có nói đầy đủ về điều này).

### **Thứ bảy: PHẦN THỌ BÁO**

Theo kinh Hiền Ngu nói: “Bấy giờ, có đoàn lái buôn muốn đi sang nước khác, đoàn này có mang theo một con chó. Đến nửa đường, bọn họ dừng lại nghỉ ngơi. Rình lúc không có người để ý, chó liền ăn trộm thịt mang theo. Bọn họ nổi giận, đánh chó gãy chân, liệng bỏ giữa đồng rồi lên đường. Lúc ấy, Xá Lợi Phất dùng thiên nhãn thấy chó lê lét đói khát, đau đớn sắp chết đói, liền mặc áo mang bát vào thành khuấy thực. Xong xuôi, cầm ra khỏi thành, bay đến chỗ chó nằm. Lòng từ bi thương xót, lấy đồ ăn ra cho. Chó được ăn, vui mừng tỉnh lại. Xá Lợi Phất thuyết pháp vi diệu cho nghe, chó liền chết đi, đầu thai vào nhà Bà-la-môn ở nước Xá Vệ. Về sau, Xá Lợi Phất đi khát thực một mình. Bà-la-môn trông thấy, hỏi rằng: “Tại sao tôn giả đi một mình, không có sa di?”. Xá Lợi Phất trả lời: “Ta không có sa di. Nghe ông có con trai, nên đem cho ta”. Bà-la-môn nói: “Tôi có được một đực con trai, tự là Quân Đề, tuổi còn nhỏ dại, chưa sai sử được. Sau này khôn lớn, tôi sẽ cho ngài”. Sau đó, khi đứa bé lên bảy tuổi, Bà-la-môn đem giao cho Xá Lợi Phất, xin được xuất gia. Xá Lợi Phất nhận được đứa bé, đem về Kỳ Hoàn, cho làm sa di, dần dà thuyết pháp cho nghe. Đứa bé tâm ý thông suốt, chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ. Khi sa di Quân Đề vừa đắc đạo xong, tự dùng trí lực quán lại tiền thân, đã tạo hạnh nghiệp nào, gặp được Thánh tăng, chứng được Đạo quả. Quán thấy tiền thân làm con chó đói, nhờ Hòa thượng ban ơn, nay được làm người và chứng được chánh quả. Lòng sinh hoan hỷ và tự nghĩ rằng: “Ta nhờ ơn thầy, thoát khỏi đau khổ. Nay phải đem trọn đời phục thị cho thầy. Chỉ cầu làm sa di, không thọ đại giới”. Phật bảo A Nan: “Do đời quá khứ, vào thời Phật Ca Diếp, Quân Đề xuất gia. Tuổi trẻ tiếng tốt, rất giỏi tán tụng, được mọi người đều thích nghe. Có một lão tăng, tiếng nói khàn đục, không thể tán tụng, nhưng đã chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ. Tỳ-kheo trẻ tuổi, ỷ mình có tiếng tốt, vào gặp lão tăng mắng

rằng: “Tiếng như chó sủa!”. Lão tăng liền la lên: “Thầy tăng trẻ tuổi, ông có biết ta chẳng? Tuy ta như thế này, nhưng đã chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ!”. Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy nghe xong, trong lòng hoảng sợ, lông tóc dựng đứng cả lên. Lập tức đến trước mặt lão tăng, sám hối lỗi lầm mạo phạm. Do lời mắng nhiếc, suốt trong năm trăm kiếp, thường làm thân chó. Do đã xuất gia, giữ giới thanh tịnh, nay được gặp ta, mới được giải thoát”.

Lại nữa, luận Trí Độ nói: “Do ngu si nhiều, nên phải làm các côn trùng, chim chóc đần độn như giun trùn, bọ hung, kiến hôi, vẹt trời, cú vọ, cú mèo. Bồ tát Long Thọ đôi lần nói: “Vì lòng dâm dục nhiều, nên phải chịu quả báo dâm dục làm vẹt trời”. Có người nói: “Vì ngu si nhiều, nên cũng phải làm vẹt trời”. Hai con vẹt trời ấy giống nhau hay khác nhau? Đáp: “Loại do túc nghiệp dâm dục sinh ra thì làm loại le vẹt ở dưới nước. Loại do túc nghiệp ngu si sinh ra thì làm loài cú dữ trên cạn, hoặc thấy ban ngày, ban đêm không thấy. Loại do dâm dục sinh ra thường bay liên bầy và lội nổi mình trên nước, hoặc thấy ban đêm, ban ngày không thấy. Loại do ngu si sinh ra thường bay đi rình bắt chuột ban đêm. Cú cũng có hai loại: do túc nghiệp dâm dục sinh ra thì làm cú già, ban ngày thấy, ban đêm không thấy. Do túc nghiệp ngu si sinh ra thì làm cú mèo, ban đêm thấy, ban ngày không thấy”.

Lại nữa, các kinh Trường A-hàm và Tăng-nhất- nói: “Chim Kim sí có bốn loại: một là do trứng sinh ra, hai là do bào thai sinh ra, ba là do ẩm ướt sinh ra, bốn là do biến hóa sinh ra. Vào kiếp trước, tất cả đều đã bố thí rất nhiều, nhưng vì kiêu căng, ngã mạn, sâh hận, hành hạ chúng sinh, nên phải sinh làm loài chim này. Có ngọc như ý để làm tràng hạt, có thần thông biến hóa, có đầy đủ mọi nhu cầu. Thân cao bốn mươi dậm, áo rộng tám mươi dậm, dài bốn mươi dậm, nặng 2 lượng rưỡi. Ăn các loài rùa, kỳ đà, ba ba theo lối đoạn thực (kinh Niết Bàn nói có thể ăn, có thể tiêu hóa tất cả các loài cá, các loài vàng bạc đá quý, trừ kim cương). Biết tắm rửa, mặc y phục và ăn sống theo lối hoạt thực, cũng có sinh hoạt vợ chồng, hai hân cùng giao nhau để thành âm dương phối hợp. Sống thọ một kiếp, cũng có loại ít hơn”.

“Có một cây ở phía Bắc bờ biển lớn, tên Cứu la sân ma, cao một trăm do tuần, bóng mát năm mươi do tuần. Phía Đông của cây, có cung điện của loài Rồng do trứng sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do trứng sinh ra. Phía Nam của cây, có cung điện của loài Rồng do bào thai sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do bào thai sinh ra. Phía Tây của cây, có cung điện của loài Rồng do ẩm ướt sinh ra và cung điện

của loài chim Kim sí do ẩm ướt sinh ra. Phía Bắc của cây, có cung điện của loài Rồng do biến hóa sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do biến hóa sinh ra. Mỗi cung điện dọc ngang rộng sáu ngàn do tuần, trang sức như trên đã nói. Nếu chim Kim sí do trứng sinh ra, bay xuống mặt biển, lấy cánh quấy nước, nước liền rẽ đôi, sâu đến hai trăm do tuần, bắt lấy loài Rồng do trứng sinh ra để ăn thịt tùy thích (kinh Hoa Nghiêm nói, chim này ăn gió do rồng quạt mà thành. Nếu gió thổi vào mắt của người thì sẽ bị mù, nên gió này không thổi đến nhân gian, sợ làm tổn thương mắt của người). Các loài chim Kim sí do bào thai sinh ra, ẩm ướt sinh ra, biến hóa sinh ra, cũng đều như thế (kinh Niết Bàn nói, chim Kim sí này chỉ không ăn thịt người đã thọ Tam quy). Có con rồng con do biến hóa sinh ra, thường giữ phép Bát quan trai trong 6 ngày ăn chay hằng tháng. Bấy giờ, chim Kim sí muốn bắt lấy nó để ăn. Ngậm nó, bay lên ngọn cây phía Bắc đỉnh núi Tu-di cao mười sáu ngàn sáu vạn dặm, tìm kiếm đuôi rồng, tuyệt nhiên không thấy. Chim nghe ra được nguyên nhân, cũng thọ ngũ giới”.

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Chim Kim sí chúa tên là Tiếng chính âm, sung sướng thảnh thơi bậc nhất trong các loài chim, mỗi ngày ăn thịt một con rồng chúa và năm trăm con rồng con ở cõi Diêm-phù-đề. Lần lượt ăn thịt khắp bốn châu, số lượng cũng như trên, giáp vòng rồi lại bắt đầu. Trải qua tám ngàn năm, tướng chết bắt đầu xuất hiện. Các loài Rồng phun độc, nên chim không thể bắt ăn thịt được, đói khát kinh hoàng, dù muốn cũng không thể ngồi yên, liền bay đến núi Kim Cương. Từ đây hạ cánh thẳng xuống, từ đầu tầng nước lớn xuống đến đầu tầng gió. Bị gió thổi tung lên lại trên đỉnh núi Kim Cương đến bảy lần như thế, cuối cùng mới chết. Vì chất độc của nó, khiến cho núi Thập Bảo đều bốc cháy. Rồng chúa Nan đà sợ cháy mất núi này, liền làm mưa lớn, giọt nước bằng đầu trục xe. Thịt chim bị cháy tiêu tan hết, chỉ còn sót lại trái tim. Trái tim lại rơi xuống, rồi bị hất tung lên bảy lần như trước. Xong xuôi, mới nằm yên trên đỉnh núi Kim Cương. Rồng chúa Nan đà đem về làm hạt minh châu. Chuyển luân vương thân lấy làm châu Như ý. Nếu người biết niệm Phật, khi chết đi, trái tim cũng sẽ trở nên như thế”.

Lại nữa, các kinh Lâu Thán và Trường A-hàm nói: “Rồng có bốn loại. Đều do kiếp trước tạo nhiều sân hận, lòng gian tà không ngay thẳng, nhưng đã bố thí nhiều, nên nay được làm loài này. Nhờ phước đức bố thí nên có được bảy loại châu báu để làm cung điện (chỗ tọa lạc của cung điện thì đã nói trong phần chim Kim sí trên đây). Thân cao bốn

mười dặm, áo dài bốn mươi dặm, rộng tám mươi dặm, nặng hai lượng rưỡi. Có thần thông tự tại, ăn uống trăm vị, đến miếng cuối cùng, liền biến thành cóc nhái. Khi mệnh chung thì tự hóa, gia quyến bèn mở đạo tâm, xin bố thí cho chiếc áo đen, khiến các loài Rồng đều thường hoan hỷ phát tâm cúng dường. Cát nóng sẽ không rơi tới tập lên mình và thoát khỏi mọi hoạn nạn. (Cũng biết biến thành các loài rắn, không gặp phải cóc nhái khi ăn và không bị chim Kim sí ăn thịt)”.

“Ăn các loài giải, kỳ đà, cá, ba ba theo lối đoạn thực. Biết tắm rửa, mặc áo quần. Ăn sống, nhai nhỏ theo lối tế hoạt thực. Cũng có sinh hoạt vợ chồng, hai thân cùng giao nhau để thành âm dương phối hợp. Sống thọ một kiếp, đôi khi có loài ít hơn. Thoát được chim Kim sí ăn thịt. Chỉ có 16 loài Rồng chúa: một là Sa kiệt, hai là Nan đà, ba là Bạt nan đà, bốn là Y na bà la, năm là Đề đầu lại tra, sáu là Thiên kiến, bảy là A lô, tám là Già cú la, chín là Già tỳ la, mười là A ba la, mười một là Già nậu, mười hai là Cù già nậu, mười ba là A nậu đạt, mười bốn là Thiện trụ, mười lăm là Ưu thiểm già ba đầu, mười sáu là Đắc xoa ca”.

Lại nữa, các kinh Lô Thán, Hoa Nghiêm đều nói: “Rồng chúa Sa kiệt cư trú ở dưới đáy biển lớn phía Bắc núi Tu-di. Cung điện ngang dọc rộng tám vạn do tuần, do bảy loại châu báu tạo thành. Có bảy lớp tường thành, có lan can rèm lưới trang trí lên trên ấy. Có vườn tược ao hồ, chim chóc hát ca. Có vách vàng cửa bạc, cửa cao hai ngàn bốn trăm do tuần, rộng hai ngàn hai trăm do tuần, vẽ màu rực rỡ. Thường có năm trăm quỷ thần canh gác. Rồng chúa biết tùy tiện làm ra mưa lớn, dù cả bảy rồng khác xúm nhau cũng không bằng được. Nước đọng lại thành vực, chảy tung vào biển lớn, màu sắc trong trẻo như lưu ly”.

Lại nữa, kinh Hải Long Vương nói: “Rồng chúa bạch Phật, tôi chính thức ở trong biển lớn, vào thời Phật Câu Lô Tần, dưới đáy biển sâu, gia quyến rất ít. Đến nay, gia quyến loài Rồng biển của tôi đã rất đông đúc”. Phật bảo rồng chúa, ai đã xuất gia, quy y Phật pháp, vi phạm giới hạnh, không bỏ chánh kiến, không đọa địa ngục. Như những loài này, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Phật bảo rồng chúa, vào thời Phật Câu Lô Tần, có 98 ức cư sĩ, tu sĩ vi phạm giới hạnh, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Vào thời Phật Ca Diếp, có sáu mươi bốn ức cư sĩ, tu sĩ phạm giới, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Vào thời của ta, có chín mươi chín mươi ức cư sĩ, tu sĩ tranh luận, phỉ báng kinh luật, sau khi chết đi, sẽ sinh làm rồng. Nay đã có loài ra khỏi. Bởi vì lẽ ấy, tại đáy

biển lớn vợ con trong gia quyến của loài Rồng biển sinh sản đông đúc, không thể kể xiết. Sau khi ta nhập Niết bàn, sẽ có nhiều cư sĩ xấu xa vi phạm giới luật, sẽ sinh vào loài Rồng hoặc sẽ đọa vào địa ngục”.

Lại nữa, kinh Tăng Hộ nói: “Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ, ông đã thấy được ở dưới đáy biển, các rồng chúa mang báo thân rồng, có nanh giáp vảy sừng, hình dáng đáng sợ, dơ dáy khó gần. Vì đường sức sinh ngăn cản phép xuất gia tu hành, nên không khỏi bị chim Kim sí ăn thịt. Tính nết loài Rồng thường ngu nhiều. Có năm lúc không thể giấu mình: một là lúc sinh, hai là lúc chết, ba là lúc hành dâm, bốn là lúc giận dữ, năm là lúc ngủ. Lại có bốn loại độc, không thể theo Chánh pháp: một là độc vì âm thanh, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu nghe có âm thanh phát ra thì sẽ hại người. Hai là độc vì thấy, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu thấy hiện ra có thân hình, chắc chắn sẽ hại người. Ba là độc vì hơi thở, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu bị hơi thở hà vào, chắc chắn sẽ hại người. Bốn là độc vì đụng chạm, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu đụng chạm vào mình, chắc chắn sẽ hại người”.

#### **Thứ tám: PHẦN TU PHÚC**

Như kinh Bồ Tát Xử Thai nói rằng: “Phật bảo Bồ tát Trí Tích, có một thữ nọ, vào vô lượng kiếp xa xưa, ta làm chim Kim sí chúa, có cung điện bằng thất bảo, có hậu viên, ao hồ đều bằng thất bảo. Lòng rất thanh thản, như Chuyển luân vương, bèn đi xuống biển, tìm rồng ăn thịt. Bấy giờ trong biển, có con rồng con hóa sinh, đang giữ giới Bát quan trai trong ngày trai nhật. Bấy giờ, chim Kim sí chúa, thân cao tám ngàn do tuần, hai cánh phải trái đều dài bốn ngàn do tuần, dùng cánh rẽ nước, bắt con rồng con. Nước chưa kịp khép, đã ngậm con rồng con bay lên. Khi chim muốn ăn rồng, trước hết phải nuốt từ phần đuôi. Chim bay đến phía Bắc núi Tu-di, ở đó có một cây lớn bằng sắt, thân cao sáu vạn dặm. Chim ngậm con rồng con đến đó, sửa soạn ăn thịt. Tìm kiếm đuôi rồng, chẳng biết chỗ nào, tìm kiếm mãi, suốt một ngày đêm. Đợi đến sáng mai, rồng mới lộ đuôi, nói với chim rằng, thân ta vốn là loài Rồng hóa sinh, nếu ta không giữ giới Bát quan trai, nhà người đã hóa thành tro. Bấy giờ, chim Kim sí nghe xong, ăn năn hối lỗi nói rằng, Phật pháp uy lực, cao siêu khó lường. Ta có cung điện, cách đây không xa, theo ta đến đó, cùng nhau vui chơi. Rồng bèn theo chim, đến xem cung điện. Gia quyến của ta, đến nay vẫn chưa được nghe đến giới Bát quan trai của Phật. Xin nhờ chỉ dạy giùm cho giới luật uy nghi này. Một mai,

nếu có mệnh chung, may mắn được sinh làm người. Lúc ấy, con rồng con liền đem giới cấm đọc tụng cho nghe ngay tại cung điện của chim và nói kệ rằng:

*“Là con của rồng chúa,  
Ta tu bảy vạn năm.  
Vì lấy kim châm lá,  
Phạm giới, bị làm rồng.  
Cung ta ở đáy biển,  
Cũng do thất bảo thành:  
Châu ma ni, pha lê,  
Châu minh nguyệt, bạc vàng.  
Hãy theo ta đến đó,  
Tham quan chuyện tu hành.  
Thiện căn càng tăng trưởng,  
Từ bi thêm chứa chan.*”

Bấy giờ, chim nghe lời rồng con, thọ trì giới Bát quan trai xong, tự phát nguyện rằng, từ nay trở về sau, cho đến lúc lâm chung, xin thế không sát sinh nữa và xin thực hành đúng theo lời Phật dạy. Gia quyến của chim Kim sí cũng thọ trì giới Bát quan trai xong, liền đi theo rồng con đến cung rồng dưới biển. Ở đây có tháp thất bảo chứa lời Phật dạy, chánh pháp cao siêu, chứa đầy trong kinh sách, đựng trong hòm bằng thất bảo. Thấy các vật phẩm cúng dường quý báu như ở trên trời. Rồng con nói với chim rằng, ta mang báo thân này, thọ mạng tuy còn dài, nhưng chưa từng sát sinh và chưa từng đụng chạm đến nước. Bấy giờ, con trai, con gái nhà rồng tâm ý đều thông suốt, sau khi mệnh chung, đều được sinh vào quốc độ của Phật A Di Đà”.

### **Thứ chín: PHẦN KHỔ LẠC**

Theo kinh nói: “Như loài Rồng có phước thì có y báo, chánh báo sung sướng đầy đủ. Thê thiếp, kỹ nữ, áo quần, ăn uống, ngựa voi, thất bảo đều không thiếu thứ gì, thanh nhàn tự tại còn hơn cả người. Thậm chí trong cõi Lục dục đều có chim thú sung sướng thanh nhàn. Cũng có các loài Rồng bạc phước, hằng ngày bị cát nóng thiêu đốt thân mình, và bị các loài côn trùng gặm nhấm thể xác. Còn như súc sinh ở thế gian thì bị sử sai đánh đập thô chớ nặng nề, ruổi giông theo lệnh, không được tự do. Cho đến những loài lợi ở dưới nước, đi ở trên bộ, bay giữa không trung, thiếu thốn cỏ ăn, nước uống, tàn hại lẫn nhau. Lại có những loài súc sinh ở giữa hai ngọn núi Thiết Vi, thường sống trong chỗ tối tăm,

chịu khổ không ngừng, không chút thanh thản. Nhưng nỗi khổ này, không thể tả hết”.

### **Thứ mười: PHẦN HẢO XÚ**

Theo kinh nói: “Như những loài Rồng, kỳ lân, công, phụng, anh vũ, gà rừng, trĩ gấm, đều được người quý chuộng, ao ước, mến yêu. Còn những loài khỉ đột, sói chồn, tê giác, cọp, rắn, cú vọ, cú mèo, đều bị người ghét bỏ, không thích nghe đến tiếng kêu. Đẹp xấu là thế, trình bày khó hết. Sang hèn dễ biết, nói sao cho cùng!”.

### **NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG**

Trích dẫn sơ lược bảy chuyện:

1. Yêu quái đời Hoàng Sơ.
2. Yêu quái heo đực ở núi Thục.
3. Yêu quái chim ở núi Việt.
4. Yêu quái dê ở giếng của Quý Hoàn tử.
5. Yêu quái chó ở đất của nhà Hoài Diêu đời Tấn.
6. Yêu quái chó đời Cao Tân Thị.
7. Chuyện người và yêu quái giao phối sinh con trong sách Tây Quốc Hành Ký.

1. *Giữa niên hiệu Hoàng Sơ đời nhà Ngụy*: địa phận Đốn Khâu có người cưỡi ngựa đi đêm, thấy giữa đường có con vật lớn bằng thỏ, hai mắt sáng như gương, nhảy nhót chặn ngang trước đầu ngựa, cản trở không cho tiến lên. Người ấy sợ hãi, té ngay xuống ngựa. Yêu quái xông đến túm lấy, người ấy kinh hoảng chết ngay. Rất lâu mới tỉnh lại thì yêu quái đã mất tăm, không biết ở đâu, liền lên ngựa đi tiếp. Được mấy dặm, gặp một người. Chào hỏi xong, người ấy kể lại biến cố vừa xảy ra như thế. Nay được gặp nhau làm bạn đồng hành, thật hết sức đáng mừng. Người ấy nói, tôi đi có một mình, gặp được ông cùng làm bạn, sung sướng không thể nào tả nổi! Ngựa ấy đi nhanh, xin hãy đi trước, tôi sẽ đi theo sau. Bèn cùng nhau đi. Bạn hỏi: “Con vật vừa rồi như thế nào, khiến ông phải kinh hoảng như thế?”. Người ấy đáp: “Mình giống thỏ, mắt sáng như gương. Hình thù thật đáng ghê sợ!”. Bạn nói: “Thử nhìn lại tôi, xem ra sao?”. Người ấy quay lại nhìn thì đúng là yêu quái vừa gặp. Yêu quái bèn nhảy lên ngựa, người ấy hoảng hồn ngã ngay xuống đất chết tươi. Người nhà lấy làm lạ, thấy ngựa chạy về một mình, lập tức đổ xô đi tìm, gặp được giữa đường. Giây lát hồi tỉnh, kể lại đầu đuôi câu chuyện như thế.



2. *Trên đỉnh núi cao phía Tây Nam đất Thục*: có con vật giống loài khỉ, cao bảy thước, biết đi như người, giỏi rượt theo người, tên là Con heo đực, còn tên là Con ngựa hóa hay là Con vượn cái. Thường rình phụ nữ đi đường, nếu có người lớn, liền lén bắt mang đi, người khác không hay biết. Nếu có người đi gần bên, đều lấy dây dài kéo bắt đi, nên không thể thoát được. Con này biết phân biệt mùi hơi nam nữ, nên khi bắt người nữ đi, người nam không hề hay biết. Nếu bắt được con gái nhà người ta, liền đem về làm vợ. Người nào không sinh con thì suốt đời không được thả cho về. Mười năm sau, hình thù đều giống với nó, tâm trí cũng bị mê mẫn không có ý trở về. Nếu sinh được con cái, nó liền bồng ẵm đưa về nhà. Sinh con cũng giống như người, nếu không chịu nuôi con người mẹ sẽ chết. Vì thế mọi người đều sợ sệt, chẳng ai dám không nuôi con. Khi lớn lên, không khác gì người, đều mang họ Dương. Thế nên, ngày nay ở phía Tây Nam đất Thục, có nhiều người họ Dương, đều vốn là con cháu của Con heo đực hay Con ngựa hóa này vậy.

3. *Trong vùng núi thẳm non sâu của đất Việt*: có loài chim lớn như con tu hú, màu xanh, tên là Chim cai trị. Chim này khoét lỗ trong thân cây cổ thụ để làm tổ, lớn bằng hũ đựng năm, sáu thưng. Miệng tổ cỡ vài tấc, lấy đất vẽ viền chung quanh, màu xanh màu đỏ nổi lên rõ ràng, y như bia bắn. Người đi rừng đốn gỗ, thấy cây này thì lảng tránh ra xa. Đôi khi đêm tối mò, người không thấy chim, chim cũng biết người không trông thấy, liền kêu lên: “Chao ôi! Lên núi!”. Sáng mai, người bèn mau mau lên núi. “Chao ôi! Xuống núi!”. Thế là sáng mai phải cấp tốc xuống núi. Nếu chim không bảo xuống thì chỉ nói cười mà thôi, người có thể yên tâm ở lại đốn cây. Nếu có đồ dơ dáy vương vất gần chỗ của nó thì sẽ có cọp đến canh chừng suốt đêm. Người không chịu về thì sẽ bị cọp bắt ăn thịt. Giữa ban ngày, thấy rõ hình dáng của nó đứng là chim. Ban đêm, nghe tiếng hót của nó, cũng đứng là chim. Có dịp vui thích, liền biến thành người cao ba thước, đi xuống khe suối mò cua trong đá, đem đến chỗ người đốt lửa nướng lên. Người không dám đụng đến nó. Người Việt gọi chim này là tổ của thầy mo xứ Việt.

4. *Quý Hoàng Tử đào giếng*: bắt gặp một vật giống cái vò đất, trong đó có con dê, bèn đến hỏi Khổng Tử rằng: “Ta đào giếng, bắt được con chó. Tại sao thế?”. Khổng Tử đáp rằng theo ta biết thì đó là dê. Bởi ta nghe nói rằng: “Yêu quái trong nước là ma rồng. Yêu quái của đất là dê dữ”. Sách Hạ Đỉnh Chí nói: “Con ma rồng lớn bằng đứa bé lên ba. Mắt đỏ, da đen. Tai dài, tay lớn. Vuốt màu đỏ tươi. Lấy dây trói lại thì có thể làm thịt ăn được”. Vương Tử nói rằng: “Yêu tinh của

cây là con Du quang. Yêu tinh của kim loại là con Thanh minh”.

5. *Giữa niên hiệu Nguyên Khang đời Tấn*: trong nhà Hoài Diêu ở huyện Lôu tại Ngô quận bỗng nghe từ lòng đất có tiếng chó con sủa vọng lên. Đào chỗ có tiếng chó sủa phát ra, trên có lỗ như hang tròn. Hoài Diêu lấy gậy thọc vào, được vài thước, có cảm giác như gặp con gì, liền đào xuống, nhìn vào thấy một cặp chó con chưa mở mắt, cũng lớn như chó nhà, đem lên cho bú cho ăn. Kể hầu hạ đều đổ đến xem. Có bậc trưởng lão nói rằng: “Đây gọi là chó tê ngư. Bắt được nó sẽ khiến cho nhà giàu có hưng thịnh, nên nuôi dưỡng lấy nó”. Vì thấy chó chưa mở mắt, nên Hoài Diêu đem bỏ vào chỗ cũ, lấy cối đá đập kỹ lên trên. Ít lâu sau mở ra xem, hai bên đầu không có hang hốc, thế mà lại biến mất đi đâu không còn nữa. Nhiều năm sau, nhà Hoài Diêu vẫn bình yên, không xảy ra việc hên sui gì cả.

6. *Giữa niên hiệu Đại Hưng*: trong phủ đệ ở Ngô quận lại đào được hai con gia súc như trên. Về sau, thái thú Ngô Mậu bị quân ở Ngô Hưng giết chết. Thi Tử nói rằng: “Trong đất có chó gọi là Sói đất, có người gọi là Không hại”. Sách Hạ Đỉnh Chí nói: “Đào đất bắt được con chó gọi là Giả. Đào đất bắt được con heo gọi là Tà. Đào đất bắt được người gọi là Tụ. Tụ là Không hại vậy. Con vật này là của tự nhiên, đừng cho quỷ thần mà lấy làm lạ. Như thế, Giả và Sói đất tuy khác tên nhưng thật ra chỉ là một”. Thiên Vạn Tất trong sách Hoài Nam Tử nói rằng: “Đê ngàn năm hóa thành trùn khoang cổ. Cóc ăn nấm linh, khi chết thành chim cun cút. Đấy là do khí tạo ra. Vì cùng cảm ứng với nhau nên sinh ra huyền hoặc vậy”. Họ Cao Tân có bà già ở trong cung vua, mắc bệnh đau tai, chạy tìm danh y đương thời váy chữa, móc ra con sâu ngo ngoay lớn như cái kén. Sau đó, bà già đem nhốt vào trong cái bầu rồi lấy đĩa đập lại. Giây lát, sâu ấy hóa thành con chó bông ngũ sắc. Do đó, đặt tên là Bàn Hồ và nuôi dưỡng. Bấy giờ, rợ Ngô hùng mạnh, thường xâm lấn lân bang. Nhà vua đã sai tướng tá đi đánh dẹp, nhưng không thể thắng và bắt được giặc đem về. Bèn chiêu mộ trong thiên hạ, người nào có thể lấy được đầu tướng giặc Ngô sẽ thưởng vàng nghìn cân, thực ấp vạn hộ và ban cho công chúa. Sau đó, Bàn Hồ xách đầu tướng giặc đến cửa cung. Nhà vua xem xét lại thì đúng là đầu giặc Ngô. Biết làm sao đây! Quần thần đều tâu: “Bàn Hồ là thú, không thể phong quan tước, lại càng không thể gả công chúa. Dù có công cũng không thể ban thưởng được”. Công chúa nghe được, tâu lên nhà vua rằng: “Đại vương đã đem con ra hứa với thiên hạ. Nay Bàn Hồ đem đầu tướng giặc về đây, giúp nước trừ hại. Đó là mệnh trời sai khiến, nào phải là trí lực của chó?”

Bạc vương giả trọng lời, bạc bá giả trọng chữ tín. Không thể vì thân con bé nhỏ mà nuốt lời hứa với thiên hạ được. Đó là tai họa cho nước nhà”. Nhà vua lo sợ nên phải bằng lòng, cho phép công chúa lấy Bàn Hồ. Bàn Hồ liền đem công chúa lên núi, ở chỗ cỏ cây rậm rạp không có dấu chân người. Từ đây, công chúa trút bỏ quần áo cao sang, ăn mặc trang phục của người hèn hạ, cầm chìa một theo Bàn Hồ lên núi xuống hang, cư trú trong động đá. Nhà vua thương nhớ, sai người lên tìm. Trời nổi mưa to gió lớn, sấm sét mịt mù. Người đi, không ai có thể đến được. Ba năm trôi qua, công chúa sinh hạ 6 trai, 6 gái. Sau khi Bàn Hồ chết xong, bọn họ ăn ở với nhau thành vợ chồng. Xe sợi vỏ cây, nhuộm bằng hạt cỏ, đem cắt may mặc, vì thích quần áo sặc sỡ nhiều màu. Sau đó, công chúa về thăm, đem chuyện tâu với vua cha. Nhà vua cho người lên kiểm. Trời không đổ mưa, thấy bọn họ ăn mặc cũn cỡn, nói năng líu lo, ăn uống chồm hồm. Bản tính thích chỗ rừng núi, ghét chốn thị thành. Chịu theo sở thích, nhà vua xuống chiếu ban cho núi lớn đầm sâu, gọi tên là Mọi rợ. Bọn họ ngoài mặt ngu si, trong lòng tinh quái, an thân lãnh địa, quý trọng của ban. Vì bọn họ bẩm thụ khí lạ của mệnh trời, nên phải đối xử theo lối đặc biệt. Đối chác, làm rầy đều không đóng thuế quan, không thu thuế đất. Các tù trưởng đều được ban ấn tín, đội mũ bằng da rái cá, ngụ ý sinh sống ở nước nhiều hơn. Hiện nay, tức là bọn rợ ở các vùng Lương Hán, Ba Thục, Vũ Lăng, Trường Sa, Lô Giang vậy. Mỗi dịp cúng tế ông tổ Bàn Hồ thì dùng món cháo tẩm trộn cá nấu nhừ, cùng tụ họp nhau gõ vào bôn và kêu là. Tục ấy đến nay vẫn còn. Thế nên, người ta gọi là “mình trần đầu vồ, con cháu Bàn Hồ”. (Sáu chuyện trên đây rút từ *Sưu Thần Ký*).

7. *Sách Tây Quốc Ký của Pháp sư Huyền Trang nói rằng*: “Nước Tân Già La (tuy không phải là nước Ấn Độ, nhưng đường đến nước ấy phụ thuộc vào Ấn Độ) vốn là bãi châu báu, có nhiều châu báu quý hiếm và quỷ thần cư trú. Về sau, có một quốc vương hỏi vợ bên nước láng giềng. Ngày lành tháng tốt sang rước dâu về, giữa đường gặp sư tử. Bọn thị vệ tùy tùng bỏ cô dâu chạy trốn. Cô dâu ngồi trong xe cam tâm chịu chết. Bấy giờ, sư tử chúa công cô dâu vào hang thăm trong núi sâu. Đứng bữa, bắt nai, hái quả đem cho ăn. Lâu ngày chầy tháng sinh một đám con trai con gái. Hình dạng giống người, nhưng tính tình lại là súc vật. Con trai lớn lên, có sức mạnh bắt được thú dữ. Tuy tuổi còn nhỏ, trí khôn đã phát triển, nói với mẹ rằng: “Con là gì đây? Cha thì dã thú, mẹ lại người ta. Không thuộc loài nào, làm sao cưới vợ?”. Mẹ bèn đem chuyện xưa ra kể cho nghe. Con nói: “Người và thú khác đường, cần

phải bỏ trốn!”. Mẹ đáp: “Trước đây mẹ đã trốn đi, nhưng không thoát được”. Sau đó, đứa con theo sư tử cha lên núi vượt đèo, quan sát đường đi nước bước để lên trốn thoát. Rình lúc cha đi xong, bèn công mẹ chạy xuống làng mạc. Mẹ bảo: “Cần phải cẩn thận, đừng tiết lộ sự tình. Nếu người ta biết được, sẽ khinh bỉ mẹ con ta ngay”. Khi về đến nước của vua cha thì đã không còn nữa, họ hàng cũng đều bị diệt vong, đành xin tá túc trong làng. Người ta hỏi rằng: “Hai mẹ con là người nước nào? Đáp: “Tôi vốn là người ở nước này, bị lưu lạc sang đất khác, nay hai mẹ con dắt nhau về quê hương”. Mọi người nghe nói đều thương, cùng nhau xúm lại giúp đỡ. Riêng phần sư tử chúa, khi trở về hang, thấy chẳng còn ai, đâm ra thương nhớ vợ con, liền nổi cơn giận dữ, vụt chạy khỏi hang. Qua lại sục sạo khắp chốn xóm làng, gặm rống vang dội, hung hăng tàn sát người và súc vật. Ra tay giết chóc tất cả mọi loài. Dân làng vừa xông đến, liền bị tóm lấy vật chết. Cả làng phải đánh trống, thổi tù va, mang nỏ, cầm mâu, họp thành đội ngũ chống lại, mới có thể thoát nạn. Nhà vua sợ dùng đường lối nhân từ không thích hợp, nên tung đám thợ săn chuyên nghiệp đến, quyết bắt cho kỳ được. Lại thân hành đem bốn đạo quân đông đến vạ người, bao vây khắp rừng rậm đến tận hang cùng. Sư tử gặm rống vang dội, người ngựa đều kinh sợ. Không tài nào bắt được, nhà vua phải chiêu mộ người nào có khả năng bắt được sư tử để trừ hại cho đất nước, hứa sẽ trọng thưởng và tuyên dương công trạng. Người con nghe được lệnh vua, liền bàn với mẹ: “Lâu nay mẹ con mình đói khổ. Nay con nên đáp lời kêu gọi may ra bắt được, sẽ có của để mẹ con mình nuôi nhau”. Mẹ nói: “Lời con nói mẹ nghe không được. Con thú ấy, dù biết là thú, nhưng cũng là cha của con. Lẽ nào vì đói khổ mà làm chuyện ngỗ nghịch trái đạo?”. Con nói: “Người và thú vật khác loài, nói đến lễ nghĩa làm gì? Mẹ cứ cản trở thì con cũng chẳng khác gì thú vật”. Bèn rút dao găm lên đường, đáp ứng lời chiêu mộ. Bấy giờ, nghìn người muôn ngựa bố trí đông đảo như mây mù sương tủa. Sư tử cha chiếm cứ giữa rừng, không ai dám đến gần. Con bèn đi thẳng vào trước mặt. Sư tử cha liền nằm rạp xuống một cách hiền lành, thương yêu con đến quên hết giận dữ. Con lén đâm phụ dao vào giữa bụng. Tuy thế, sư tử cha thương yêu con rất nhân từ, không chút giận hờn. Đến khi con mổ bụng ra, sư tử cha vẫn cam lòng chịu đau mà chết. Nhà vua hỏi: “Người này là ai mà phi thường đến thế?”. Rồi đem lợi lộc ra dụ dỗ, lấy uy lực để răn đe, cuối cùng con mới chịu đem đầu đuôi sự tình trình bày đầy đủ. Nhà vua phán: “Ngỗ nghịch thay! Đến cha mà còn nỡ giết, huống gì người ngoài? Thú vật khó thuần, ác tâm dễ động. Trừ

khử mối hại cho dân, công lao to thật. Cắt đứt tính mạng của cha, lòng quá ngang tàng! Trọng thưởng để trả công to, đày xa để phạt ngang ngược thì phép nước không hư, lời vua không trái”. Liền đó, cho sắm sửa hai chiếc thuyền lớn, dự trữ nhiều lương khô. Giữ mẹ ở lại, chu cấp để thưởng công lao. Trai gái đều lên thuyền riêng, phó cho sóng gió đưa đi. Thuyền của bọn con trai vượt biển, đến bãi châu báu này. Thấy có nhiều châu báu quý hiếm, nên dừng lại cư trú. Về sau, có đoàn thương nhân ghé vào bãi, bọn con trai giết chết trưởng đoàn, giữ con gái lại. Cứ thế, con cháu sinh sôi đông đúc. Bèn lập ra vua tôi để phân chia cao thấp. Dựng đô lập ấp thành bờ cõi riêng. Vì tổ tiên có công bắt được sứ tử chúa, nên lấy công ấy mà đặt tên nước. Thuyền của bọn con gái trôi đến phía Tây Ba lạt tứ, bị quỷ thần ở đấy dụ dỗ, sinh ra một bầy con gái. Thế nên, ngày nay trở thành nước lớn của đàn bà ở phương Tây. Vì thế, người nước Sư tử hình dáng thấp đen, cầm vương đầu lớn, tính tình hung hãn, đánh độc tàn nhẫn. Ấy cũng là do con cháu của mãnh thú, nên phần đông đều hùng dũng tráng kiện. Đó là một thuyết về loại người này. Nếu theo kinh điển của Phật giáo, như kinh Khởi Thế, thì vào ngày xưa, ở trong thành lũy kiên cố của bãi có nhiều châu báu này là chỗ cư trú của năm trăm La sát nữ.

Lại nữa, trước đền thờ trời ở phía Bắc thành thuộc mé Đông nước Khuất Chi có hồ Rồng lớn là nơi loài Rồng biến hình giao phối với ngựa cái, sinh ra giống ngựa rồng con rất thuần thực để cưỡi. Do đó, nước này sản xuất nhiều ngựa hay. Nghe các sách xưa nói rằng: “Gần đây, có nhà vua tên Kim Hoa, thường quan tâm đến việc chính trị. Nhà vua thuần hóa một con rồng để kéo xe. Do nôn nóng chinh phục, lỡ tay quất roi đập vào tai, nó liền trốn đi. Phải bỏ nghìn vàng thuê người kiếm về”.

Trong thành không có giếng, phải lấy nước ở hồ này. Con rồng bèn biến thành người, cùng phụ nữ giao phối, sinh được đứa con hùng dũng, chạy kịp ngựa phi. Cứ thế, dần dần lan rộng, mọi người đều có giống rồng. Bọn này ỷ sức làm càn, không tuân phép nước. Nhà vua ra sức cùng nước Đột Quyết diệt giống người này, lớn nhỏ đều giết sạch, không chừa một mạng. Đến nay, thành ấy trở nên hoang phế, mất hẳn dấu vết con người. (Hai chuyện sau đây rút từ sách Tây Quốc Ký của Pháp sư Huyền Trang).

Thuật rằng: “Thường thấy bọn ngu mê tà kiến nói rằng: “Sang hèn không giống, người thú khác nhau. Làm sao có chuyện người làm súc sinh, súc sinh làm người? Phật pháp nói gạt, sợ không đúng thật”. Nếu các người giữ thói u mê, không tin vào lời Phật dạy, tại sao các

kinh điển, thư tịch thế gian trên đây đều ghi chép rành rành trước mắt? Liệu các người cũng chẳng tin ư? Nào làm ơn, nhẫn nhục như Sở vương ăn đĩa sinh bệnh, rồi bệnh cũng lành. Vua Tống không chịu cúng vái, yêu tinh phải đi. Nào gây ác như Lữ hậu hạ độc Triệu vương Như Ý, Như Ý biến thành chó xanh. Vua Tề giết công tử Bành Sinh, Bành Sinh hóa thành heo người hù dọa. Chuyện gần đây còn như thế, huống gì đã tạo nhân gây nên nghiệp báo thiện ác, nổi chìm sáu nẻo khác nhau, gánh chịu tai ương muôn kiếp?”.

